

PHỤ LỤC SỐ 01

PHÂN LOẠI XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)



TT	Loại xã thuộc đơn vị hành chính cấp huyện	Tên xã, phường, thị trấn	Ghi chú
		Xã đồng bằng	21
		Xã trung du	35
		Xã miền núi	105
		TOÀN TỈNH	161
I	HUYỆN BẢO LÂM		13
	Xã trung du		02
1		Thị trấn Pác Miầu	
2		Xã Lý Bôn	
	Xã miền núi		11
3		Xã Mông Ân	
4		Xã Đức Hạnh	
5		Xã Nam Cao	
6		Xã Nam Quang	Nhập xã Tân Việt vào xã Nam Quang
7		Xã Quảng Lâm	
8		Xã Thạch Lâm	
9		Xã Thái Học	
10		Xã Thái Sơn	
11		Xã Vĩnh Phong	
12		Xã Vĩnh Quang	
13		Xã Yên Thổ	
II	HUYỆN HÀ QUẢNG		21
	Xã đồng bằng		02
1		Thị trấn Xuân Hoà	
2		Thị trấn Thông Nông	
	Xã trung du		04
3		Xã Trường Hà	Nhập xã Nà Sác vào xã Trường Hà
4		Xã Sóc Hà	
5		Xã Ngọc Đào	Thành lập xã Ngọc Đào trên cơ sở nhập xã Phù Ngọc và xã Đào Ngạn
6		Xã Lương Can	
	Xã miền núi		15
7		Xã Cải Viên	Nhập xã Vân An vào xã Cải Viên
8		Xã Hồng Sỹ	Nhập xã Sỹ Hai vào xã Hồng Sỹ

9		Xã Lũng Nặm	Nhập xã Kéo Yên vào xã Lũng Nặm
10		Xã Mã Ba	Nhập xã Hạ Thôn vào xã Mã Ba
11		Xã Nội Thôn	
12		Xã Quý Quân	
13		Xã Tổng Cột	
14		Xã Thượng Thôn	Nhập xã Văn Dính vào xã Thượng Thôn
15		Xã Cản Nông	
16		Xã Cản Yên	Nhập xã Vị Quang vào xã Cản Yên
17		Xã Ngọc Động	
18		Xã Yên Sơn	
19		Xã Lương Thông	
20		Xã Đa Thông	
21		Xã Thanh Long	Nhập xã Bình Lãng vào xã Thanh Long
III	HUYỆN BẢO LẠC		17
	Xã trung du		01
1		Thị trấn Bảo Lạc	
	Xã miền núi		16
2		Xã Hồng Trị	
3		Xã Bảo Toàn	
4		Xã Cô Ba	
5		Xã Cốc Pàng	
6		Xã Đình Phùng	
7		Xã Hồng An	
8		Xã Huy Giáp	
9		Xã Hưng Đạo	
10		Xã Hưng Thịnh	
11		Xã Kim Cúc	
12		Xã Khánh Xuân	
13		Xã Phan Thanh	
14		Xã Sơn Lập	
15		Xã Sơn Lộ	
16		Xã Thượng Hà	
17		Xã Xuân Trường	
IV	HUYỆN NGUYỄN BÌNH		17
	Xã trung du		01
1		Thị trấn Nguyễn Bình	
	Xã miền núi		16
2		Thị trấn Tĩnh Túc	
3		Xã Vũ Minh	Thành lập xã Vũ Minh trên cơ sở nhập xã Minh Thanh, xã Thái Học và một phần diện tích xã

			Bắc Hợp
4		Xã Minh Tâm	Nhập xã Lang Môn và một phần diện tích xã Bắc Hợp vào xã Minh Tâm
5		Xã Thề Dục	
6		Xã Ca Thành	
7		Xã Hoa Thám	
8		Xã Hưng Đạo	
9		Xã Mai Long	
10		Xã Phan Thanh	
11		Xã Quang Thành	
12		Xã Tam Kim	
13		Xã Thành Công	
14		Xã Thịnh Vượng	
15		Xã Triệu Nguyên	
16		Xã Vũ Nông	
17		Xã Yên Lạc	
V	HUYỆN HÒA AN		15
	Xã đồng bằng		02
1		Thị trấn Nước Hai	Nhập một phần diện tích các xã: Đức Long, Bình Long, Bế Triều, Hồng Việt vào thị trấn Nước Hai
2		Xã Đức Long	
	Xã trung du		04
3		Xã Hồng Việt	Nhập một phần diện tích xã Bình Long vào xã Hồng Việt
4		Xã Hoàng Tung	
5		Xã Nam Tuấn	
6		Xã Dân Chủ	
	Xã miền núi		09
7		Xã Hồng Nam	
8		Xã Bạch Đằng	
9		Xã Đại Tiến	Nhập xã Đức Xuân và một phần diện tích xã Bế Triều vào xã Đại Tiến
10		Xã Lê Chung	
11		Xã Nguyễn Huệ	Nhập xã Trung Vương vào xã Nguyễn Huệ
12		Xã Bình Dương	
13		Xã Ngũ Lão	
14		Xã Quang Trung	Nhập xã Hà Trì vào xã Quang Trung
15		Xã Trương Lương	Nhập xã Công Trùng vào xã Trương Lương

VI	HUYỆN HẠ LANG		13
	Xã đồng bằng		01
1		Thị trấn Thanh Nhật	
	Xã trung du		03
2		Xã Quang Long	
3		Xã Thị Hoa	
4		Xã Lý Quốc	
	Xã miền núi		09
5		Xã Thống Nhất	Thành lập xã Thống Nhất trên cơ sở nhập xã Việt Chu và xã Thái Đức
6		Xã An Lạc	
7		Xã Cô Ngân	
8		Xã Đồng Loan	
9		Xã Đức Quang	
10		Xã Kim Loan	
11		Xã Minh Long	
12		Xã Thắng Lợi	
13		Xã Vinh Quý	
VII	HUYỆN THẠCH AN		14
	Xã đồng bằng		01
1		Thị trấn Đông Khê	
	Xã trung du		05
2		Xã Lê Lai	
3		Xã Đức Xuân	
4		Xã Đức Long	
5		Xã Vân Trình	Nhập xã Thị Ngân vào xã Vân Trình
6		Xã Kim Đồng	
	Xã miền núi		08
7		Xã Canh Tân	
8		Xã Đức Thông	
9		Xã Lê Lợi	Nhập xã Danh Sỹ vào xã Lê Lợi
10		Xã Minh Khai	
11		Xã Quang Trọng	
12		Xã Thái Cường	
13		Xã Thụy Hùng	
14		Xã Trọng Con	
VIII	HUYỆN TRÙNG KHÁNH		21
	Xã đồng bằng		02
1		Thị trấn Trùng Khánh	Nhập xã Đình Minh vào TT Trùng Khánh
2		Thị trấn Trà Lĩnh	
	Xã trung du		07
3		Xã Chí Viễn	

4		Xã Phong Châu	
5		Xã Đức Hồng	Nhập xã Cảnh Tiên vào xã Đức Hồng
6		Xã Đoài Dương	Thành lập xã Đoài Dương trên cơ sở nhập các xã: Thông Huệ, Thân Giáp, Đoài Côn
7		Xã Đàm Thủy	Chuyển từ xã miền núi thành xã trung du
8		Xã Ngọc Côn	Chuyển từ xã miền núi thành xã trung du
9		Xã Cao Chương	
	Xã miền núi		12
10		Xã Lăng Hiếu	Nhập xã Lăng Yên vào xã Lăng Hiếu
11		Xã Đình Phong	
12		Xã Khâm Thành	Nhập xã Ngọc Chung vào xã Khâm Thành
13		Xã Cao Thắng	
14		Xã Ngọc Khê	
15		Xã Phong Nậm	
16		Xã Trung Phúc	
17		Xã Quang Hán	Nhập xã Cô Mười vào xã Quang Hán
18		Xã Quang Trung	
19		Xã Quang Vinh	Nhập xã Lưu Ngọc vào xã Quang Vinh
20		Xã Tri Phương	
21		Xã Xuân Nội	
IX	HUYỆN QUẢNG HÒA		19
	Xã đồng bằng		03
1		Thị trấn Quảng Uyên	Nhập xã Quốc Phong vào thị trấn Quảng Uyên
2		Thị trấn Hòa Thuận	Nhập xã Lương Thiện vào thị trấn Hòa Thuận
3		Thị trấn Tả Lùng	
	Xã trung du		07
4		Xã Chí Thảo	
5		Xã Độc Lập	Nhập xã Bình Lăng vào xã Độc Lập
6		Xã Phúc Sen	Nhập xã Quốc Dân vào xã Phúc Sen
7		Xã Quảng Hưng	
8		Xã Đại Sơn	
9		Xã Mỹ Hưng	
10		Xã Cách Linh	Nhập một phần diện tích xã Hồng Đại vào xã Cách Linh

	Xã miền núi		09
11		Xã Cai Bộ	
12		Xã Hồng Quang	
13		Xã Phi Hải	
14		Xã Tự Do	Nhập xã Đoài Khôn vào xã Tự Do
15		Xã Hạnh Phúc	Nhập xã Hồng Định vào xã Hạnh Phúc
16		Xã Ngọc Động	Nhập xã Hoàng Hải vào xã Ngọc Động
17		Xã Bế Văn Đàn	Thành lập xã Bế Văn Đàn trên cơ sở nhập một phần diện tích xã Hồng Đại vào xã Triệu Âu
18		Xã Tiên Thành	
19		Xã Quốc Toàn	
X	THÀNH PHỐ CAO BẰNG		11
	Xã đồng bằng		10
1		Phường Duyệt Trung	
2		Phường Đề Thám	
3		Phường Hòa Chung	
4		Phường Hợp Giang	
5		Phường Ngọc Xuân	
6		Phường Sông Bằng	
7		Phường Sông Hiến	
8		Phường Tân Giang	
9		Xã Hưng Đạo	
10		Xã Vĩnh Quang	
	Xã trung du		01
11		Xã Chu Trinh	

PHỤ LỤC SỐ 2

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2020-2024

TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BẢO LÂM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)



I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP

BẢNG 1: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Xã Trung Du				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	72	50	29
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	65	45	26
	Đất trồng lúa nương	LUN	45	32	18
2	Xã Miền Núi				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	61	42	24
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	55	39	22
	Đất trồng lúa nương	LUN	39	27	15

BẢNG 2: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Xã Trung Du				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	59	42	24
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	42	29	17
2	Xã Miền Núi				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	51	35	20
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	35	25	14

BẢNG 3: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Xã Trung Du	CLN	57	40	23
2	Xã Miền Núi	CLN	48	34	19

BẢNG 4: BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Xã Trung Du		
	Đất rừng sản xuất	RSX	11
2	Xã Miền Núi		
	Đất rừng sản xuất	RSX	9

BẢNG 5: BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Xã Trung Du	NTS	41	28	16
2	Xã Miền Núi	NTS	35	25	14

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**BẢNG 6: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN***Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Xã Trung Du				
1	Xã Lý Bôn				
	Đất mặt tiền từ nhà ông Lữ Minh Tâm (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 215) đến ngã ba đầu cầu quốc lộ 4c, ngã ba đường rẽ vào chợ đến hết Bưu điện văn hóa xã	420	315	236	189
	Đất thuộc khu vực trung tâm chợ xã Lý Bôn	420	315	236	189
	Đất mặt tiền từ Bưu điện văn hóa xã đến nhà ông Nông Văn Lược (hết thửa đất số 40, tờ bản đồ số 200) (bên xóm Nà Pồng)	358	269	201	161
	Đất mặt tiền từ nhà bà Tô Thị Hương (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 216) cột sóng Viettel đến cây xăng Lý Bôn	358	269	201	161
	Đất mặt tiền từ Cây xăng Lý Bôn đến hết địa phận xã Lý Bôn theo quốc lộ 34	358	269	201	161
	Đất mặt tiền từ nhà ông Lữ Minh Tâm (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 215) dọc theo Quốc lộ 34 đến hết nhà ông Nông Văn Thành (đến hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 241) - Pác Kín xóm Nà Pồng	358	269	201	161
	Đất mặt tiền từ nhà ông Nông Văn Thành (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 241) đến ngã ba theo đường rẽ đi xã Vĩnh Phong đến hết địa giới hành chính xã Lý Bôn	270	203	152	122
	Đất mặt tiền từ đầu cầu Lý Bôn tờ bản đồ 199 dọc theo quốc lộ 4c (bên xóm Nà Mạt) đến hết địa phận xóm Nà Mạt theo quốc lộ 4c (đến hết thửa đất số 20, tờ bản đồ 149)	270	203	152	122
	Đoạn đường ô tô đi lại được xung quanh trường cấp II, III Lý Bôn	196	147	110	88
	Đất mặt tiền từ dọc quốc lộ 4c chạy qua các xóm Tổng Ác, Pác Rà, Khuổi Vin, đến đầu cầu Nà Tổng.	196	147	110	88

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đất mặt tiền chạy từ ngã ba quốc lộ 4C đến đường rẽ đi xóm Phiêng Pên (từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 200) (đi qua các xóm Nà Mạt, Phiêng Pên, Phiêng Lũng, đến hết Phân trường Tiểu học Phiêng Dăm.	196	147	110	88
	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 4C qua đường rẽ xóm Pác Rà (từ thửa số đất 40, tờ bản đồ 69) đến hết Trường Tiểu học Nà Khuông	196	147	110	88
	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 4c từ thửa đất số 27, tờ bản đồ số 7) xóm Nà Tổng, đến Nà Mầu, Đông Sang (hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 46)	196	147	110	88
	Đoạn từ ngã ba Pác Ruộc (từ thửa đất số 70, tờ bản đồ số 182) đi xã Đức Hạnh (đi các xóm Nà Mạt Khuổi Bon) đến hết địa phận xã Lý Bôn	196	147	110	88
	Đoạn đường từ Nà Sài (thửa số 70, tờ bản đồ số 182) đi Pác Ruộc đến đầu cầu treo xóm Nà Tôm bên xóm Pác Ruộc	196	147	110	88
II	Xã Miền Núi				
1	Xã Mông Ân				
	Đất mặt tiền đoạn từ thị trấn Pác Miầu đến đường rẽ lên UBND Xã Mông Ân đi qua xóm Nà Bon (đến hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 77)	230	173	129	104
	Đất mặt tiền đoạn từ đường rẽ lên UBND Xã Mông Ân đến cầu Nà Làng (đi qua xóm Nà Làng)	230	173	129	104
	Đất mặt tiền đoạn ngã ba đường rẽ nhà ông Sùng Văn Lồng (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 55) đến hết Trường tiểu học Lũng Vài (xóm Nà Bon)	230	173	129	104
	Đất mặt tiền từ ngã ba đường đi xóm Nà Pồng vào đến nhà ông Hoàng Văn Thén (hết thửa đất số 130, tờ bản đồ số 136)	230	173	129	104
	Đất mặt tiền từ ngã ba xóm Đon Sài, Nà Pồng đến giáp xóm Khau Dề xã Thái Sơn	230	173	129	104
2	Xã Vĩnh Phong				
	Đất mặt tiền bắt đầu từ Quốc lộ 34 giáp ranh xã Lý Bôn đến hết trụ sở Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phong	230	173	129	104

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đất mặt tiền từ xóm Bản Diêm (từ thửa đất số 73 tờ bản đồ số 39) đến hết trường tiểu học xóm Lũng Trang	230	173	129	104
	Đất mặt tiền dọc theo đường từ UBND xã đến xóm Ến Nội (từ thửa số 3 tờ bản đồ số 59 đến hết thửa 17 tờ bản đồ 165)	230	173	129	104
	Tuyến đường đất mặt tiền dọc theo đường liên xóm từ xóm Ến Ngoại đi trường tiểu học xóm Ến Cỏ (từ thửa số 175 tờ bản đồ số 121 đến hết thửa số 103 tờ bản đồ số 184)	230	173	129	104
	Tuyến đường đất mặt tiền dọc theo đường liên xóm từ xóm Bản Diêm (từ thửa số 14 tờ bản đồ số 68) đến hết điểm trường tiểu học Nặm Tăn thuộc xóm Phiêng Nặm.	230	173	129	104
3	Xã Vĩnh Quang				
	Đoạn mặt tiền dọc theo Quốc lộ 34 từ ngã ba đường mới rẽ vào xã Vĩnh Quang về phía Bảo Lạc đến hết nhà ông Sầm Văn Thiết (thửa đất số 91, tờ bản đồ số 03), về phía Bảo Lâm đến hết nhà bà Liên Thị Nhâm (hết thửa đất số 17, tờ bản đồ số 03) (Nhà Tôm)	270	203	152	122
	Đất mặt tiền từ ngã ba đường rẽ lên trụ sở Ủy ban nhân dân đến hết Trạm Y tế xã và toàn bộ khu vực mặt tiền chợ xã.	270	203	152	122
	Đất mặt tiền đoạn đường từ nhà ông Sầm Văn Thiết (thửa đất số 91, tờ bản đồ số 03) theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới xã Vĩnh Quang (giáp huyện Bảo Lạc).	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Thiêng Nà, Cốc Tém, Nà Lầu (từ thửa 48 tờ bản đồ 6 đến hết thửa số 130 tờ bản đồ số 100).	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Nà Ngà, Khuổi Rò, Nặm Lạn, Nà Hiên, Nặm Uôm (từ thửa đất số 204 tờ bản đồ số 109 đến hết thửa đất số 76 tờ bản đồ số 197).	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Nà Luông - Nà Hù (từ thửa đất số 308 tờ bản đồ số 88 đến hết thửa đất số 236 tờ bản đồ số 88)	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Nà Luông - xóm Phia Nà (từ thửa đất số 306 tờ bản đồ số 88 đến thửa đất 90 tờ bản đồ	230	173	129	104

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	số103)				
	Tuyến đường liên xóm Bản Cài - Nà Phiáo (từ thửa đất số 218 tờ bản đồ số 77 đến hết thửa đất số 20 tờ bản đồ số 134).	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Nà Luông đi xóm Bản Cài (từ thửa đất số 104 tờ bản đồ số 29 đến hết thửa đất số 293 tờ bản đồ số 88).	230	173	129	104
	Tuyến đường ngã ba Khau Sáng - Nặm Uôm thuộc xóm Nặm Uôm	230	173	129	104
4	Xã Đức Hạnh				
	Đất mặt tiền đường giao thông huyện lộ thuộc xóm Cốc Phung (từ thửa số 82 tờ bản đồ số 115 đến hết thửa đất số 93 tờ bản đồ số 92)	230	173	129	104
	Tuyến đường huyện lộ giáp Bảo Toàn qua Xóm Cốc Lý đến xóm Cốc Phung (đến hết thửa đất số 82 tờ bản đồ số 115).	230	173	129	104
	Tuyến đường xóm Cốc Phung đi xóm Nà Sa đến xóm Chè Lý A (từ thửa đất số 93 tờ bản đồ số 92 đến hết thửa 27 tờ bản đồ số 35)	230	173	129	104
	Tuyến đường xóm Cốc Phung qua xóm Nà Hu đến xóm Hát Han (từ thửa đất số 95 tờ bản đồ số 92 đến hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 48.)	230	173	129	104
	Tuyến đường xóm Cốc Lý qua Cà Pên B, Cà Pên A (từ thửa đất số 36 tờ bản đồ 229 đến hết thửa đất số 34 tờ bản đồ 237)	230	173	129	104
	Tuyến đường xóm Cốc Lý đến xóm Cà Đồng (từ thửa số 43 tờ bản đồ 170 đến hết thửa đất số 78 tờ bản đồ 166.)	230	173	129	104
	Tuyến đường qua xóm Chè Lý A đến xóm Hát Han (từ thửa đất số 27 tờ 35 đến hết thửa đất số 90 tờ 48.)	230	173	129	104
5	Xã Yên Thổ				
	Đất mặt tiền xung quanh khu chợ Bản Chang I (từ thửa đất 08 tờ bản đồ số 162 đến ngã ba đường lên Ủy ban nhân dân xã)	270	203	152	122

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đất dọc đường giao thông huyện lộ từ ranh giới xã Thái Học đến đầu xóm Bản Chang I (đến hết thửa đất số 614 tờ bản đồ số 143)	230	173	129	104
	Tuyến đường từ trung tâm xóm Lũng Cuối đi Chòm Xóm (từ thửa đất số 116 tờ bản đồ 138 đến hết thửa 395 tờ bản đồ 138)	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Bản Chang I - Bản Chang II - Nà Sài (từ thửa đất số 165 tờ bản đồ 162 đến hết thửa 161 tờ bản đồ 235)	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Bản Vàng - Nà Sài (từ thửa đất số 296 tờ bản đồ 179 đến hết thửa 106 tờ bản đồ 234)	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Khuổi Sáp - Khuổi Chuông (từ thửa đất số 38 tờ bản đồ 197 đến hết thửa 353 tờ bản đồ 214)	230	173	129	104
6	Xã Quảng Lâm				
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông huyện lộ từ đầu cầu treo xã Quảng Lâm đến giáp ranh xã Thạch Lâm	270	203	152	122
	Đường giao thông nội Xóm Bản Nà (Từ ngã ba chân dốc Xóm Bản Nà nhà ông Dương Văn Tài (thửa đất số 47, tờ bản đồ số 178) đến hết đoạn nhà ông Hoàng Văn Thành (thửa đất số 85, tờ bản đồ số 150) giáp nhà ông Hoàng Văn Đông)	270	203	152	122
	Từ đầu cầu xã Quảng Lâm đi hết đoạn đường nhà ông Lân Văn Phong (hết thửa số 100, tờ bản đồ 196).	270	203	152	122
	Tuyến đường từ nhà ông Hoàng Văn Lê (Bảo Sông) (từ thửa số 35, tờ bản đồ 180) đi hết đoạn đường lên Khau Củng (xóm Phiêng Mường) mà xe ô tô đi lại được (đến hết thửa số 20 tờ bản đồ 194).	270	203	152	122
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông liên xóm Tổng Ngoảng đi xóm Tổng Chảo (từ thửa số 144, tờ bản đồ 133 đến hết thửa số 782, tờ bản đồ 61).	270	203	152	122

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông liên xóm Tổng Ngoảng đến nhà văn hóa xóm Phiêng Phát (Từ đường rẽ nhà ông Lục Tuyên Ngôn (thửa đất số 30, tờ bản đồ số 133) xóm Tổng Ngoảng đến nhà văn hóa xóm Phiêng Phát)	270	203	152	122
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông liên xóm từ đầu cầu Pác Khuổi đến đầu cầu treo xóm Nặm Miòng	270	203	152	122
7	Xã Nam Quang				
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông thuộc xóm Tổng Phườn (tính từ thửa 183 tờ bản đồ số 88 đến hết thửa 392 tờ bản đồ 52)	270	203	152	122
	Đất mặt tiền từ đầu cầu Nam Quang-xóm Đon Sài (hết thửa số 12 tờ bản đồ số 04) (Trừ đoạn đi qua xóm Tổng Phườn) mà ô tô đi lại được	230	173	129	104
	Đất mặt tiền từ đầu cầu Nam Quang - hết đất nhà trường Pác Rôm	270	203	152	122
	Đất mặt tiền từ xóm Tổng Phườn (từ thửa 184 tờ bản đồ số 88) - Nặm Rôm (đến hết thửa số 182 tờ bản đồ số 22)	230	173	129	104
	Đoạn đường thuộc xã Tân Việt cũ				
	Đất mặt tiền từ đầu cầu Nà Đẳng đến xóm Khuổi Hẩu (hết thửa đất số 35 tờ bản đồ số 66)	230	230	129	104
8	Xã Thạch Lâm				
	Đất mặt tiền xung quanh chợ Bản Luầy	270	203	152	122
	Tuyến đường từ đầu cầu cứng gần nhà ông Dương Văn Sơn (thửa đất số 60, tờ bản đồ số 227) - xóm Tổng Dùn qua UBND xã đến đầu cầu cứng xóm Sác Ngà	270	203	152	122
	Tuyến đường từ ngã ba Sác Ngà (thửa đất số 92 tờ bản đồ 109) đi đến hết xóm Khau Noong (hết thửa đất số 133 tờ bản đồ số 70.)	270	203	152	122
	Tuyến đường từ ngã ba đầu cầu chợ Bản Luầy đi đến xóm Cốc Páp (hết thửa đất số 01 tờ bản đồ số 161)	270	203	152	122
9	Xã Thái Sơn				
	Đoạn đường từ đầu cầu cứng gần chợ (Từ thửa đất số 318 tờ bản đồ số 66) đến UBND xã Thái Sơn	230	173	129	104

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ giáp ranh xã Thái Học đến đầu cầu cứng gần chợ	230	173	129	104
	Đoạn đường từ UBND Xã Thái Sơn đến Trường THCS Thái Sơn	230	173	129	104
	Đoạn đường từ ngã ba đường rẽ đi Nà Bà (trong xóm Nặm Trà) (từ thửa đất số 246 tờ bản đồ 98) theo đường đi trường tiểu học Lũng Trang đến hết địa giới hành chính xã Thái Sơn.	230	173	129	104
	Từ ngã ba Nà Nàng (từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 97) đi đến hết điểm trường Nà Bó	230	173	129	104
	Đoạn đường từ Trường Tiểu học Khau Dề tới xóm Bản Lìn (hết thửa 39 tờ bản đồ 64)	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Nặm Trà – Nà Bà (Từ thửa đất số 22 tờ bản đồ số 100 đến hết thửa 151 tờ bản đồ 89)	230	173	129	104
	Đoạn đường từ ngã ba gần Trường THCS Thái Sơn theo đường đi xóm Nà Nàng (từ thửa đất số 80 tờ bản đồ số 98) tới xóm Nà Lồm (đến hết thửa 9 tờ bản đồ 141)	230	173	129	104
10	Xã Nam Cao				
	Đoạn từ trường THCS Nam Cao đến dọc đường trung tâm chợ Phia Cọ (từ thửa đất số 89 đến hết thửa đất số 25 tờ bản đồ 137)	230	173	129	104
	Tuyến đường Phia Cọ - Bản Cao - Nà Mon (từ thửa đất số 25 tờ bản đồ 137) đi xã Ngọc Long thuộc tỉnh Hà Giang.	230	173	129	104
	Tuyến đường Phia Cọ đi 2 xóm Bản Bung - Phia Cò (thửa đất số 25 tờ bản đồ 137, đến thửa đất số 113 tờ bản đồ 174)	230	173	129	104
	Tuyến đường từ xóm Bản Bung (thửa đất số 6, tờ bản đồ 174) đi đến địa giới hành chính xóm Nà Nhuộm thuộc xã quản lý	230	173	129	104
	Tuyến đường từ xóm Phia Cọ đi 2 xóm Đoàn Kết - Nặm Đang (từ thửa đất số 25 tờ bản đồ 137 đến hết thửa đất số 23 tờ bản đồ 9)	230	173	129	104
11	Xã Thái Học				
	Đất mặt tiền từ trường Bán trú đến đầu cầu đi Yên Thổ	420	315	236	189

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đất mặt tiền xung quanh khu vực chợ.	420	315	236	189
	Đất mặt tiền từ ngã ba giáp nhà ông Vũ Ngọc Pha (thửa đất số 148, tờ bản đồ số 92) theo đường đi xã Thái Sơn đến đường rẽ lên trụ sở UBND xã Thái Học	420	315	236	189
	Đoạn đường từ ngã ba cầu Bản Pó (từ thửa đất số 01 tờ bản đồ số 36) đến Trường Bán trú Thái Học.	230	173	129	104
	Đất mặt tiền đường giao thông Bản Bó (từ thửa đất số 206 tờ bản đồ số 92) đi xã Thái Sơn đến hết địa giới xã Thái Học	196	147	110	88

BẢNG 7: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Thị trấn Pác Miêu				
1	Đường phố loại III				
	Đoạn đường từ ngã ba đầu cầu (nhà ông Long Văn Tiến (thửa đất số 74, tờ bản đồ 147) đến hết đất của Kho bạc Nhà nước;	1.360	1.020	765	536
	Đoạn đường từ Kho Bạc Nhà nước đến ngã ba đường rẽ lên UBND huyện (đến hết thửa đất 59 tờ bản đồ số 136).	1.360	1.020	765	536
	Các vị trí đất mặt tiền xung quanh khu vực chợ nông sản	1.360	1.020	765	536
2	Đường phố loại IV				
	Đoạn đường tiếp từ đường rẽ lên UBND huyện (từ thửa đất số 4 tờ bản đồ số 141) đến cổng chào Khu 4	982	737	552	387
	Đoạn đường tiếp ngã ba đầu cầu (nhà ông Long Văn Tiến (thửa đất số 74, tờ bản đồ 147) lên chân dốc lên trường tiểu học-Trung học cơ sở (đến hết thửa đất số 100 tờ bản đồ số 153)	982	737	552	387
	Đoạn đường tiếp ngã ba đầu cầu (nhà ông Long Văn Tiến (thửa đất số 74, tờ bản đồ 147) theo Quốc lộ 34 đi tỉnh Hà Giang đến cổng chào khu 2	982	737	552	387
	Đoạn đường từ ngã ba rẽ lên Ủy ban nhân dân huyện đến đường đi khu Loông Khinh (từ thửa đất số 51 tờ bản đồ số 136 đến hết thửa đất số 16 tờ bản đồ số 137)	982	737	552	387
3	Đường phố loại V				
	Đoạn đường từ chân dốc lên trường tiểu học-Trung học cơ sở (tiếp đất nhà bà Sầm Thị Tươi (thửa đất số 115, tờ bản đồ số 153) đến ngã ba đường đi xã Mông Ân đi tiếp vào trường Nội trú.	710	533	399	280
	Đoạn đường từ ngã ba rẽ đi xã Mông Ân đến đường rẽ vào mỏ đá Tu Lũng (Khu 1) (từ thửa đất số 47 tờ bản đồ 154 đến đường rẽ vào mỏ đá Tu Lũng (Khu 1)	710	533	399	280
	Đoạn đường từ nhà bà Lãnh Thị Nguyệt (từ thửa đất số 3, tờ bản đồ số 96) đi đến hết cổng sau Công ty CKC	560	420	315	221

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường giao thông đi xóm Mạ Rại bắt đầu từ ngã ba rẽ vào khu tập thể UBND huyện (thường gọi là khu tập thể Mạ Rại) đến trung tâm xóm Mạ Rại (đến hết thửa đất số 39 tờ bản đồ số 40)	560	420	315	221
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34 đi xóm Phiêng Phay, đến trung tâm xóm Phiêng Phay (từ thửa đất số 36 tờ bản đồ 69 đến hết thửa đất số 70 tờ bản đồ số 102).	560	420	315	221
	Đoạn đường từ Cổng chào Khu 4 theo Quốc lộ 34 đi xóm Nà Ca, tới trung tâm xóm Nà Ca (hết thửa đất số 66 tờ bản đồ số 09)	560	420	315	221
	Đoạn từ trung tâm xóm Nà Ca theo Quốc lộ 34 (hướng đi Bảo Lạc) (từ thửa đất số 07 tờ bản đồ số 09) đến hết địa giới hành chính của thị trấn (giáp xã Lý Bôn)	560	420	315	221
	Đoạn đường từ cổng chào khu 2 theo Quốc Lộ 34 hướng đi Hà Giang đến hết đất nhà bà Lãnh Thị Nguyệt (hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 96)	560	420	315	221
	Đoạn đường tiếp từ đường rẽ vào mỏ đá Tu Lũng (từ thửa đất số 15 tờ bản đồ số 61) đến hết địa giới thị trấn Pác Miầu (giáp xã Mông Ân)	560	420	315	221
	Đoạn đường từ cổng sau Công ty CKC (từ thửa đất số 15 tờ bản đồ số 126) đến giáp ranh xã Thái Học	560	420	315	221
	Đất khu tái Định cư Pác Bang (từ thửa đất số 09 tờ bản đồ 42 đến hết thửa đất số 157 tờ bản đồ số 48)	560	420	315	221
	Đất mặt tiền từ ngã ba đường rẽ vào mỏ nước đến nhà ông Bàn Văn Đức (từ thửa đất số 28 tờ bản đồ số 152 đến hết thửa đất số 75 tờ bản đồ số 153)	560	420	315	221
	Đất mặt tiền rẽ vào khu Loỏng Giăng đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Quyết (từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 153 đến hết thửa đất số 03 tờ bản đồ số 154)	560	420	315	221
	Đất mặt tiền từ đường rẽ xuống sân vận động đến ngã rẽ đi xóm Bản Mỏ (hết thửa đất số 06 tờ bản đồ số 72)	560	420	315	221

PHỤ LỤC SỐ 3

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2020-2024

TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÀ QUẢNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP

BẢNG 1. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	96	67	38
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	76	53	30
	Đất trồng lúa nương	LUN	53	37	22
2	Xã trung du				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	84	60	34
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	66	47	26
	Đất trồng lúa nương	LUN	47	32	19
3	Xã miền núi				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	72	50	29
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	54	38	22
	Đất trồng lúa nương	LUN	38	26	16

BẢNG 2. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	68	48	28
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	48	34	19
2	Xã trung du				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	59	41	24
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	41	29	17
3	Xã miền núi				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	50	35	20
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	35	24	14

BẢNG 3. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM*Đơn vị tính: 1000 đồng/m²*

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng	CLN	62	46	32
2	Xã trung du	CLN	53	37	22
3	Xã miền núi	CLN	44	31	18

BẢNG 4. BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT*Đơn vị tính: 1000 đồng/m²*

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất
1	Xã đồng bằng	RXS	13
2	Xã trung du	RXS	11
3	Xã miền núi	RXS	9

BẢNG 5. GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN*Đơn vị tính: 1000 đồng/m²*

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng	NTS	44	31	18
2	Xã trung du	NTS	38	28	16
3	Xã miền núi	NTS	32	23	13

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

BẢNG 6: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Xã Trung Du				
1	Xã Ngọc Đào				
	Các đoạn đường thuộc xã Đào Ngạn cũ				
	Đoạn từ đỉnh dốc Pá Deng theo trục đường chính qua xã đến hết nhà bà Vi Thị Nanh (hết thửa đất số 135, tờ bản đồ số 9) (xóm Đào Bắc)	358	269	201	161
	Đoạn từ ngã ba Phía Hính qua xóm Kéo Chang đến xóm Kê Hiệt đến hết đất nhà ông Vương Văn Tường (hết thửa đất số 295, tờ bản đồ số 27) (xóm Kê Hiệt)	358	269	201	161
	Đoạn từ đường chính gốc cây đa rẽ vào đến hết chân đập Hồ Bản Nưa	358	269	201	161
	Các đoạn đường thuộc xã Phù Ngọc cũ				
	Từ đường Hồ Chí Minh theo đường vào cổng trường Trung học Phổ thông Nà Giảng đến cổng trường	734	551	413	330
	Từ công nước (cua Cốc Đức) trên nhà ông Triệu Văn Thuật theo trục đường Hồ Chí Minh xuống đến đỉnh dốc Sam Kha	734	551	413	330
	Từ ngã ba trục đường Hồ Chí Minh theo đường liên xã Ngọc Đào - Hạ Thôn đến chân dốc Noóc Mò	734	551	413	330
	Từ trục đường chính Hồ Chí Minh rẽ vào chợ và xung quanh chợ	734	551	413	330
	Từ đất nhà ông Nông Văn Chín (xóm Cốc Chủ) theo đường Hồ Chí Minh đi xuống đến hết mốc ranh giới xã Ngọc Đào giáp xã Nam Tuấn huyện Hoà An (Khau Mát)	640	480	360	288
	Từ công nước (cua Cốc Đức) theo trục đường Hồ Chí Minh lên đến điểm mốc ranh giới thị trấn Xuân Hoà (dốc Kéo Mạ)	420	315	236	189
	Đoạn đường từ ngã ba đường Hồ Chí Minh theo đường vào Trạm y tế đến ngã ba đường rẽ lên trường Tiểu học Nà Giảng và (Trạm y tế xã Phù Ngọc cũ)	420	315	236	189
	Từ đỉnh dốc Sam Kha theo trục đường Hồ Chí Minh xuống đến Nà Lum xóm Cốc Chủ (giáp đất nhà ông Nông Văn Chín xóm Cốc Chủ)	420	315	236	189
	Đường Phù Ngọc - Đào Ngạn (cũ) đoạn từ tiếp giáp với đường Hồ Chí Minh đến hết địa phận xã Phù Ngọc cũ (đỉnh dốc Pá Deng)	420	315	236	189
2	Xã Trường Hà				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ tiếp giáp thị trấn Xuân Hòa theo đường Hồ Chí Minh đi Pác Bó đến nhà ông Hoàng Văn Duy (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 15, khu vực Bó Bầm)	420	315	236	189
	Từ sân Bảo tàng Pác Bó theo đường nội vùng Pác Bó đến điểm trường Pác Bó	420	315	236	189
	Tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (chân dốc Kéo Già) theo đường làng nghề, làng du lịch qua cầu Nà Rài đến hết nhà bà La Thị Bích (hết thửa đất số 163, tờ bản đồ số 36)	358	269	201	161
	Tiếp giáp đường Hồ Chí Minh trước nhà ông Đàm Nông Cháp (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 40) theo đường làng nghề, làng du lịch đến cầu Bản Hoong	358	269	201	161
	Tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (Nhà văn hoá xóm Nà Mạ) theo đường vào đôi Thoong Mạ đến đầu cầu bên kia suối	358	269	201	161
	Tiếp giáp đường Hồ Chí Minh theo đường vào Nhà máy Thủy điện Bản Hoàng đến cổng nhà máy	358	269	201	161
	Đoạn đường Nà Piài xóm Bản Hoong từ đầu nhà ông Bế Văn Sổng (thửa đất số 528, tờ bản đồ số 37) đến giáp biển báo đường vành đai biên giới	358	269	201	161
	Các đoạn đường thuộc xã Nà Sác cũ				
	Đoạn đường từ đầu cầu Đôn Chương theo trục đường Hồ Chí Minh đến hết địa phận xã Trường Hà (giáp xã Sóc Hà)	420	315	236	189
	Đoạn đường từ ngã ba đường vào trụ sở UBND xã Nà Sác cũ đến ngã ba Ngâm Sinh	358	269	201	161
3	Xã Sóc Hà				
	Đoạn trục đường chính từ nhà ông Nông Văn Ca (thửa đất số 60, tờ bản đồ số 18) đến trạm liên hợp cửa khẩu	1.560	1.170	878	702
	Đoạn từ đường tròn cửa khẩu (nhà ông Hoàng Văn Đức (thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8)) đến cống thoát nước tại thửa ruộng ông Nông Văn Quýnh (thửa đất số 224, tờ bản đồ số 26))	1.560	1.170	878	702
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh tiếp giáp với ruộng ông Nông Văn Quýnh (thửa đất số 224, tờ bản đồ số 26)) theo trục đường Hồ Chí Minh đến hết ngã ba giáp xã Trường Hà	1.560	1.170	878	702
	Đoạn đường từ tiếp giáp nhà ông Nông Văn Ca (thửa đất số 60, tờ bản đồ số 18) theo đường trục chính đến đường rẽ vào cầu Cốc Vường	936	702	527	421
	Đoạn đường từ đường rẽ vào cầu Cốc Vường theo đường 203 cũ đến hết đất trường mẫu giáo xã	734	551	413	330

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Từ phòng khám đa khoa theo trục đường chính vào cửa khẩu đến nhà mầm non của xã	734	551	413	330
	Từ ngã ba trục chính đi vào cửa khẩu, rẽ vào chợ đến đầu cầu Pác Sào (cầu Pháp cũ) xóm Nà Nghiêng	734	551	413	330
	Đoạn từ phòng khám đa khoa theo trục đường Hồ Chí Minh đến hết địa phận xã Sóc Hà (giáp xã Trường Hà)	600	450	338	270
	Đường tránh từ đầu cầu Thua Mo đến cầu Nà Nghiêng	600	450	338	270
	Từ ngã ba rẽ vào cầu Cốc Vường theo đường vành đai đến nhà cộng đồng xóm Lũng Pươi (xóm Nà Phái cũ)	420	315	236	189
	Từ ngã ba rẽ vào cầu Cốc Vường theo đường vành đai đến nhà cộng đồng xóm Nà Phái	420	315	236	189
	Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh từ nhà ông Nông Hoàng Thành (thửa đất số 176, tờ bản đồ số 8) theo đường tuần tra biên giới đến đường rẽ vào nhà bà Dương Thị Trinh (hết thửa đất số 262, tờ bản đồ số 8) khu vực Nà Cà xóm Địa Long	420	315	236	189
	Đoạn đường Nà Nghiêng – Lũng Cùm từ cầu Pháp cũ (xóm Nà Nghiêng) đến hết đám ruộng ông Nông Văn Viễn (thửa đất số 204, tờ bản đồ số 44) (xóm Nà Nghiêng)	420	315	236	189
4	Xã Lương Can				
	Đoạn đường từ đường rẽ vào xóm Nà Sai cũ thuộc xóm Kim Đồng theo đường Lương Can - Trương Lương đến Pác Kéo xóm Dẻ Vai.	358	269	201	161
II	Xã Miền Núi				
1	Xã Tổng Cột				
	Đoạn từ chợ Trâu bò (ngã ba rẽ vào Trường trung học cơ sở Tổng Cột) đến ngã ba đường rẽ đi xã Sỹ Hai, đường rẽ vào chợ và xung quanh chợ	420	315	236	189
	Đoạn từ chợ Trâu bò xuống đến hết Trường tiểu học	420	315	236	189
	Đoạn từ trường tiểu học theo Quốc lộ 4A đến hết địa phận xã Tổng Cột giáp xã Cô Mười (huyện Trùng Khánh)	358	269	201	161
	Từ ngã ba đường rẽ đi xã Sỹ Hai theo Quốc lộ 4A đến hết địa phận xã Tổng Cột	358	269	201	161
	Quốc lộ 4A theo đường phân giới cắm mốc đến mỏ Sọc Phầy	358	269	201	161
	Đoạn từ ngã ba đường liên xã Hồng Sỹ đi Tổng Cột vào xóm Cột Nưa (đến trung tâm xóm Pải Bá cũ)	304	228	171	137
	Đoạn từ Quốc lộ 4A vào đến hết Đồn 125 Tả Cán	304	228	171	137

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Tổng Cột.				
	Đoạn từ Quốc lộ 4A vào xóm Lũng Ái	304	228	171	137
	Đường giao thông nông thôn Kéo Sỹ, Lũng Rỳ, Kéo Nhân, Lũng Giồng, Ngừm Luông	304	228	171	137
2	Xã Lũng Nặm				
	Từ chân dốc Lũng Đá theo Quốc lộ 4A đến trạm ngắt điện Bó Thon	420	315	236	189
	Từ trạm ngắt điện Bó Thon đến đường rẽ xuống xóm Tổng Bỏ	420	315	236	189
	Từ ngã ba đường Quốc lộ 4A (nhà ông Mã Văn Thành, thửa đất số 139, tờ bản đồ số 78) theo đường Lũng Nặm - Vân An đến cống thoát nước (hết thửa đất nhà ông Nông Văn Khuây, thửa đất số 5, tờ bản đồ số 71)	420	315	236	189
	Từ tiếp giáp thửa đất ông Nông Văn Khuây (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 71) đến Nặm Thuôm (hết thửa đất nhà ông Hoàng Văn Cảnh (hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 72)	358	269	201	161
	Từ ngã ba Bó Ngán đến ngã ba nhà văn hóa xóm Nặm Sắn (Nặm Nhũng Bản cũ) - Thín Tằng.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ ngã ba Bó Nhảo đến hết cống thoát nước gần nhà ông Hoàng Văn Đo (thửa đất số 129, tờ bản đồ số 10)	358	269	201	161
	Từ Hùm Lũng Đá đến hết địa phận xã Lũng Nặm (cũ) giáp xã Kéo Yên (cũ).	304	228	171	137
	Đoạn từ Nặm Thuôm đến hết địa phận xã Lũng Nặm giáp xã Cải Viên	304	228	171	137
	Đoạn từ đường rẽ xuống xóm Tổng Pỏ đến hết địa phận xã Lũng Nặm	304	228	171	137
	Đoạn đường Lũng Nặm – Cải Viên rẽ lên đường Kéo Hai – Kéo Quyền đến hết đoạn đường cấp phối xóm Kéo Quyền.	304	228	171	137
	Đoạn đường Lũng Nặm – Kéo Yên (đường di mố 681) rẽ vào đường Nặm Sắn đến nhà văn hóa xóm Nặm Sắn	304	228	171	137
	Đoạn đường từ cống thoát nước (gần nhà ông Hoàng Văn Đo (thửa đất số 129, tờ bản đồ số 10)) đến hết địa phận xã Lũng Nặm	304	228	171	137
	Đoạn từ Thúi Cũ đến gốc cây vải (đến hết nhà ông Vương Văn Sơn (hết thửa đất số 226, tờ bản đồ số 69))	304	228	171	137
	Các đoạn đường thuộc xã Kéo Yên cũ				
	Đoạn từ nhà ông Vương Văn Hải, xóm Cáy Tắc (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 3) đến mố Quốc gia 681 (xóm Cáy Tắc)	270	203	152	122

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Từ đoạn đường của cạnh rẫy ông Bế Văn Sáng (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 49) (Co Lý) theo Quốc lộ 4A đến đỉnh dốc Kéo Tối (xóm Răng Rụng)	270	203	152	122
	Đoạn từ đường rẽ ngã ba giao thông liên thôn xóm Pá Rản lên xóm Lũng Luông đến chân dốc Đông Hấu (xóm Tả Rản)	270	203	152	122
	Đoạn đường từ chân dốc rẫy ông Hoàng Văn Hồn (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 20) dọc theo đường giao thông đến hết xóm Lũng Tú	230	173	129	103
	Đầu làng Bó Sóp đi Pác Pó hết địa phận xã Kéo Yên cũ	230	173	129	103
	Đoạn từ sau nhà ông Hoàng Văn Lý (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 76) xóm Lũng Luông theo đường giao thông liên thôn đến nhà văn hóa xóm Lũng Sáng cũ thuộc xóm Lũng Luông	230	173	129	103
	Đoạn từ đường giao thông liên thôn Lũng Luông – Sí Ngải thuộc xóm Lũng Luông	230	173	129	103
	Đoạn từ Răng Mò xóm Răng Rụng cũ theo đường giao thông nông thôn đến xóm Răng Púm cũ	230	173	129	103
	Đoạn rẽ từ đường đi mốc 681 Nặm Răng xuống Xóm Cây Tắc đến bãi quay xe xóm Cây Tắc	230	173	129	103
	Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Lý, xóm Lũng Luông (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 76) đến nhà ông Lý Văn Cẩm, xóm Lũng Luông (hết thửa đất số 40, tờ bản đồ số 78)	196	147	110	88
	Đoạn từ cửa gương cầu Co Lý theo đường giao thông Lũng Nặm – Thượng Thôn (Kéo Yên đi Vân Dính cũ) đến mốc địa giới hành chính cũ Kéo Yên - Vân Dính	196	147	110	88
	Đoạn rẽ từ Quốc lộ 4A đến nhà văn hóa xóm Phia Đó cũ thuộc xóm Răng Rụng	196	147	110	88
	Đoạn ngã ba rẽ vào Răng Púm đi đến nhà văn hóa xóm Lũng Sáng cũ thuộc xóm Lũng Luông	196	147	110	88
3	Xã Quý Quân				
	Từ đầu địa phận xóm Bản Láp đến cầu Lão Lường	270	203	152	122
	Từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã theo đường vào xóm Nà Pò (cũ) thuộc xóm Nà Pò	270	203	152	122
	Từ cầu Lão Lường theo đường chính qua xóm Nà Pò đến hết nhà ông Nông Văn Kiêm (hết thửa đất số 174, tờ bản đồ 66) (xóm Nà Pò)	230	173	129	103
	Từ Trạm Y tế xã qua xóm Nà Pò đến Kéo Co Pheo (giáp thị trấn Xuân Hòa)	230	173	129	103
4	Xã Thượng Thôn				
	Từ ngã ba Lũng Mùm đến giáp đỉnh dốc Lũng	420	315	236	189

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Táy; khu vực xung quanh chợ xã và trụ sở Ủy ban nhân dân xã				
	Đoạn đường rẽ từ Quốc lộ 4A theo trục đường đi xã Hồng Sỹ đến ngã ba đường đi xóm Cả Giang	420	315	236	189
	Theo Quốc lộ 4A từ đỉnh dốc Lũng Táy đến ranh giới mốc giáp với xã Nội Thôn (Lũng Tùng)	358	269	201	161
	Từ ngã ba Lũng Mùm đến hết làng Lũng Tấn (cũ) thuộc xóm Lũng Mùm	358	269	201	161
	Từ ngã ba Tổng Cáng theo đường liên xã Thượng Thôn - Hồng Sỹ đến nhà ông Đàm Văn Hồng (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 63) xóm Nậm Giát	358	269	201	161
	Đoạn đường từ nhà ông Đàm Văn Hồng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 63) xóm Nậm Giát đi hết địa phận xã Thượng Thôn giáp xã Hồng Sỹ	358	269	201	161
	Đoạn đường từ đường liên xã Thượng Thôn - Hồng Sỹ rẽ đi xóm Cả Giang đến phân trường Tiểu học xóm Cả Giang	358	269	201	161
	Đoạn từ nhà Nông Thế Tài (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 76) xóm Tổng Cáng đi hết xóm Tầm Poóng (cũ) thuộc xóm Tổng Cáng giáp xã Vân Dính cũ	358	269	201	161
	Từ nhà ông Lưu Văn Hương (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42) xóm Thượng Sơn đến nhà ông Sầm Văn Hội (hết thửa đất số 119, tờ bản đồ số 45) xóm Lũng Hóng	358	269	201	161
	Đường rẽ liên xã Thượng Thôn - Hồng Sỹ rẽ vào xóm Nậm Giát đến nhà ông Liêu Văn Thị (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 82)	358	269	201	161
	Đường rẽ Quốc lộ 4A ngã 3 Lũng Pang đi vào hết nhóm Lũng Rị - Trảng Lý	358	269	201	161
	Các đoạn đường thuộc xã Vân Dính cũ				
	Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Sinh (thửa đất số 28, tờ bản đồ số 31) đi theo đường đi xã đến nhà ông Mạ Văn Sinh (hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 32) (xóm Lũng Giàng)	270	203	152	122
	Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Sinh (thửa đất số 28, tờ bản đồ số 31) ngược về theo đường Xuân Hòa – Thượng Thôn kéo dài đến hết địa phận xã Thượng Thôn giáp Thị trấn Xuân Hòa	270	203	152	122
	Đoạn đường từ nhà ông Mạ Văn Sinh (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 18) (theo đường Vân Dính – Thượng Thôn cũ) đến hết nhà ông Dương Văn Dừng (cuối xóm Sỹ Diêng)	270	203	152	122
	Đoạn đường từ ngã ba mỏ nước Lũng Tu đi đến xóm Lũng Sang hết nhà ông Trương Văn Dén (hết thửa đất số 28, tờ bản đồ số 2)	230	173	129	103

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ nhà ông Mạ Văn Tu (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 49) (trường tiểu học Lũng Giàng) theo đường Lũng Giàng - Lũng Cuối thuộc xóm Lũng Giàng đến hết đoạn đường cụt.	230	173	129	103
	Đoạn đường từ ngã ba nhà ông Dương Văn Vị (thửa đất số 2, tờ bản đồ số 15) theo đường liên xóm Sỹ Diêng cũ đi xóm Kha Bản cũ, xóm Sỹ Diêng đến phân trường Kha Bản.	230	173	129	103
	Đoạn đường cụt (Lũng Cuối cũ), xóm Lũng Giàng đi đến hết nhà ông Nông Văn Lện (hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 54)	230	173	129	103
5	Xã Nội Thôn				
	Đoạn từ Kéo Lác Mạy theo Quốc lộ 4A đến hết nhà ông Hoàng Văn Sỹ (hết thửa đất số 67, tờ bản đồ số 110) (xóm Lũng Rì)	270	203	152	122
	Theo Quốc lộ 4A từ Kéo Lác Mạy đến hết xóm Lũng Rại	230	173	129	103
	Đoạn từ tiếp giáp nhà ông Hoàng Văn Sỹ (thửa đất số 67, tờ bản đồ số 110) (xóm Lũng Rì) đến hết kéo Lũng Tùng	230	173	129	103
	Đoạn đường từ kéo Pò Cả Liu xóm Nhị Tảo đến xóm Kéo Lạc Mạy	230	173	129	103
	Đoạn từ xóm Kéo Lạc Mạy đến bãi rác xóm Rủ Rả	230	173	129	103
	Đoạn từ ngã ba Pò Rải đến nhà ông Dương Văn Quân (hết thửa đất số 26, tờ bản đồ số 40) xóm Pác Hoan	230	173	129	103
	Đoạn từ Kéo Lũng Pét Ngườm Vải đến Lũng Xuân - Cốc Sâu	230	173	129	103
	Đoạn giáp đường Quốc lộ 4A đến hết xóm Nhị Tảo (nhóm trên)	230	173	129	103
	Đoạn giáp đường Quốc lộ 4A đến hết xóm Lũng Mào (nhóm ngoài)	230	173	129	103
	Đoạn giáp đường quốc lộ 4A đến Lũng Púng - nhà văn hóa xóm Lũng Chuổng	230	173	129	103
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Lũng Chuổng đến Kéo Úng Áng	230	173	129	103
	Đoạn từ Chằng Ái xóm Pác Hoan đến nhà văn hóa xóm Lũng Chuổng	230	173	129	103
	Đoạn từ nhà Văn Hóa xóm Lũng Chuổng đến nhà văn hóa xóm Làng Lý	230	173	129	103
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Làng Lý đến hết nhà ông Trương Văn Thắng (hết thửa đất số 5, tờ bản đồ số 30)	230	173	129	103
	Đoạn từ nhà ông Dương Văn Quân (thửa đất số	230	173	129	103

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	26, tờ bản đồ số 40) xóm Cà Rẻ đến ngã tư đường xóm Ngườm Vải rẽ đi Lũng Xuân				
6	Xã Cải Viên				
	Đường giao thông liên xã từ ngã ba trường Trung học Cơ sở xã đến hết làng Dốc Nặm	270	203	152	122
	Đoạn đường từ làng Dốc Nặm theo đường liên xã đến hết địa phận xã Cải Viên - xã Vân An cũ	270	203	152	122
	Đoạn từ đỉnh dốc xóm Lũng Pán đến trường tiểu học xã.	270	203	152	122
	Đoạn từ ngã ba Mẻ Bao đến nhà văn hóa xóm Tả Piầu	230	173	129	103
	Đoạn từ ngã ba Sam Sảo đến nhà văn hóa xóm Nặm Niệc	230	173	129	103
	Đoạn từ xóm Chông Mạ theo đường phân giới cắm mốc đến hết địa phận xã Cải Viên giáp xã Nội Thôn	230	173	129	103
	Từ xóm Chông Mạ theo đường giao thông nông thôn đến hết nhà ông Nông Văn Thời (hết thửa đất số 3, tờ bản đồ 56) nhóm hộ Lũng Tái thuộc xóm Chông Mạ.	230	173	129	103
	Từ ngã ba đỉnh dốc xóm Lũng Pán đến nhóm hộ Eng Mây thuộc xóm Lũng Pán trên địa bàn xã	230	173	129	103
	Các đoạn đường thuộc xã Vân An cũ				
	Khu vực xóm Pác Có và xóm Co Phầy cũ, xóm Cha Vạc	270	203	152	122
	Từ nhà bia tưởng niệm theo đường đi Ủy ban nhân dân xã đến khu vực trụ sở Ủy ban nhân dân xã Vân An cũ	270	203	152	122
	Khu vực xóm Cha Vạc và xóm Lũng Rầu	270	203	152	122
	Đoạn đường từ xóm Nặm Đin đi xóm Co Phầy (xóm Cha Vạc mới)	230	173	129	103
	Đoạn đường từ ngã ba xóm Co Phầy (xóm Cha Vạc mới), đi xóm Pác Có (xóm Nhi Đú mới)	230	173	129	103
	Đoạn đường từ Đổng Đeng theo đường liên xã đến hết địa phận xã Vân An cũ giáp xã Cải Viên cũ	230	173	129	103
	Đoạn từ ngã ba Thang Thon theo đường liên xã đến hết địa phận xã Cải Viên giáp xã Lũng Nặm	230	173	129	103
	Đoạn đường từ ngã ba rẫy (Lũng Nhùng) nhà ông Hoàng Văn Sớ (thửa đất số 1, tờ bản đồ 52) (xóm Lũng Rầu) đi xóm Lũng Nặm (xóm Lũng Rầu) đến hết địa phận xã Cải Viên giáp xã Lũng Nặm	230	173	129	103
	Đường từ ngã ba Kéo Quang đi xóm Bản Khêng đến hết địa phận xã Cải Viên giáp xã Nội Thôn	230	173	129	103
	Đường từ xóm Nặm Đin đi xóm Cô Mười cũ, xóm	230	173	129	103

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Nậm Đìn xã Vân An.				
	Đoạn từ ngã ba xóm Pác Có cũ, xóm Nhi Đú đi đến mốc 696	230	173	129	103
	Đoạn từ ngã ba xóm Nhi Đú đến hết nhà ông Hoàng Văn Hà (hết thửa đất số 378, tờ bản đồ số 27)	230	173	129	103
7	Xã Hồng Sỹ				
	Đoạn đường trục chính từ ngã ba xóm Lũng Kính đi đến hết địa phận xã Hồng Sỹ giáp xã Thượng Thôn	270	203	152	122
	Đoạn từ đường rẽ liên xóm Lũng Ngần (Lũng Dán cũ) đến hết nhà ông Lý Văn Vinh xóm Lũng Cắm	230	173	129	103
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Làng Linh cũ (xóm Lũng Ngần), đến hết nhà ông Đào Văn Hồng (hết thửa đất số 11 tờ bản đồ số 88) xóm Lũng Ngần	230	173	129	103
	Đoạn từ trường tiểu học đến hết nhà ông Lục Văn Trương (hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 31) xóm Lũng Rầu	230	173	129	103
	Đoạn đường từ giáp ranh xã Sỹ Hai (cũ) đến nhà ông Lương Văn Xinh (xóm Lũng Ngần)	230	173	129	103
	Đoạn từ trung tâm xã Hồng Sỹ đến trạm biến áp xóm Lũng Ngần	230	173	129	103
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Pác Táng đến hết nhà ông Vương Văn Thành (hết thửa đất số 42, tờ bản đồ số 52) (xóm Pác Táng)	230	173	129	103
	Đoạn từ rẫy nhà ông Đàm Văn Hợi đến hết nhà ông Phan Văn Sơn, xóm Lũng Rầu (hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 10)	230	173	129	103
	Đoạn từ nhà ông Lầu Văn Hồng đến hết nhà ông Lầu Văn Tu, xóm Lũng Ngần	230	173	129	103
	Đoạn từ nhà ông Tô Văn Phụng đến nhà ông Hoàng Văn Sính (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 39) (xóm Pác Táng)	230	173	129	103
	Các đoạn đường thuộc xã Sỹ Hai cũ				
	Trục đường liên xã đoạn từ ngã ba Lũng Pén theo đường Sỹ Hai - Tổng Cột đến hết nhà bà Hoàng Thị Quế, xóm Nậm Thuồm (hết thửa đất số 27, thửa đất số 113)	270	203	152	122
	Đoạn từ ngã ba Lũng Pén theo đường liên xã đến ngã ba vào hồ nước xóm Lũng Quảng	230	173	129	103
	Đoạn từ tiếp giáp nhà bà Hoàng Thị Quế, xóm Nậm Thuồm (thửa đất số 113, tờ bản đồ số 27) đến hết nhà ông Ngô Văn Thịnh (hết thửa đất số 78, tờ bản đồ 63)	230	173	129	103
	Đường liên xã (Sỹ Hai - Hồng Sỹ) cũ đoạn từ ngã ba xóm Kính Trên cũ thuộc xóm Lũng Kính đi đến hết đất nhà ông Nông Văn Xanh, xóm Lũng Kính (thửa	230	173	129	103

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	đất số 7, tờ bản đồ 41)				
	Đường liên xã Sỹ Hai - Hồng Sỹ (cũ) đoạn từ (Lũng Túp cũ đến hết xóm Ông Luộc cũ), thuộc xóm Lũng Quảng theo địa giới hành chính xã Sỹ Hai (cũ)	230	173	129	103
	Đường liên xã Sỹ Hai - Hồng Sỹ đoạn từ xóm Lũng Kính (xóm Kính Dưới cũ) đến hết địa phận xã Sỹ Hai (cũ)	230	173	129	103
	Đoạn đường xóm Lũng Bông cũ đến xóm Khau Sớ (cũ), thuộc xóm Lũng Bông đến hết địa phận xã Sỹ Hai (cũ)	230	173	129	103
8	Xã Mã Ba				
	Đoạn từ trụ sở UBND xã cũ theo tuyến đường Cả Póc - Lũng Niềng (Mạ Ràng cũ) đến nhà ông Nông Văn Hòi (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 72)	270	203	152	122
	Đoạn từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã cũ theo tuyến đường Cả Póc đi Bản Đâu đến hết nhà ông Hoàng Văn Dương (hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 56)	270	203	152	122
	Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Thường (thửa đất số 66, tờ bản đồ 43) đến nhà văn hóa xóm Cả Póc (Keng Cả cũ)	230	173	129	103
	Đường liên xã Mã Ba - Quang Vinh từ nhà ông La Văn Thanh (thửa đất số 55, tờ bản đồ 28) đến hết địa phận xã Mã Ba	230	173	129	103
	Các đoạn đường thuộc xã Hạ Thôn cũ				
	Đoạn từ Trạm y tế theo đường liên xã đến hết làng Lũng Hủ (đoạn cua có cống nước)	270	203	152	122
	Đoạn từ ngã ba Ràng Khoen đến hết làng Lũng Giáo	230	173	129	103
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Kéo Nặm đến xóm Văn Thụ xã Nam Tuấn huyện Hòa An	230	173	129	103
	Đoạn từ phân trường Cốc Sa đến Lũng Nhùng	230	173	129	103
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Ràng Khoen đi Lũng Ràng	230	173	129	103
	Đoạn từ phân trường Cốc Sa (xóm Kéo Nặm) đến nhà ông Lục Văn Mão	230	173	129	103
	Các xã thuộc huyện Thông Nông cũ				
9	Xã Đa Thông				
	Đoạn đường từ giáp địa giới thị trấn Thông Nông đến hết địa giới xã Đa Thông	380	285	214	171
	Đoạn đường từ ngã ba đường 204 theo đường giao thông nông thôn Đà Sa - Đà Khau - Nam Hưng Đạo đến hết nhà ông Lộc Văn Dụng (hết thửa đất số 138, tờ bản đồ số 138) (xóm Nam Hưng Đạo)	220	165	124	99

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ đỉnh đèo Mã Quynh đến giáp ranh địa giới huyện Hoà An.	196	147	110	88
10	Xã Lương Thông				
	Đoạn đường từ nhà ông Trương Văn Lễ (thửa đất số 192, tờ bản đồ số 172) theo đường 204 đến hết địa phận xã Lương Thông	420	315	236	189
	Đất xung quanh chợ Lương Thông	420	315	236	189
	Đoạn đường từ đỉnh Kéo Hái giáp xã Đa Thông theo đường 204 đến nhà ông Trương Văn Lễ (hết thửa đất số 192, tờ bản đồ số 172) xóm Quang Trung 2	236	177	133	106
	Đoạn đường rẽ từ ngã ba xóm Quang Trung 2 theo đường đi Nội Phan, thuộc xóm Hồng Thái đến hết địa giới xã Lương Thông (giáp xã Đa Thông)	236	177	133	106
	Đoạn đường rẽ từ trường THCS xã Lương Thông từ nhà ông Lê Văn Kiáng (thửa đất số 155, tờ bản đồ số 85) (Nà Vàng) đến hết địa phận xã Lương Thông	236	177	133	106
	Đoạn đường giao thông nông thôn điểm đầu tiếp giáp với đường 204 ngã ba Kéo Hái đi xóm Lũng Rịch, Lũng Đầy cũ thuộc xóm Ngọc Sỹ đến xóm Tả Bốc cũ thuộc xóm Kim Cúc	236	177	133	106
11	Xã Thanh Long				
	Khu vực đất xung quanh chợ	420	315	236	189
	Đoạn đường từ chân dốc Bản Đâu, xóm Tấp Ná đến Kéo Chả	420	315	236	189
	Đoạn đường từ ngã ba Gòi Phát theo đường đi xã Triệu Nguyên đến hết địa phận xã Thanh Long (giáp xã Triệu Nguyên, huyện Nguyên Bình).	236	177	133	106
	Đoạn đường từ Cốc Gạch đi Yên Sơn đến hết địa phận xã Thanh Long	236	177	133	106
	Đoạn đường từ Cốc Gạch đến xóm Tản Phụng	236	177	133	106
	Các đoạn đường thuộc xã Bình Lãng cũ				
	Đỉnh dốc Kéo Chỏ (hết địa phận xã) đến chân dốc Mạ Nền (giáp xã Thái Học, huyện Nguyên Bình)	358	269	201	161
	Đoạn đường từ ngã ba Kéo Chả (nhà ông Hoàng Văn Chiến, thửa đất số 30, tờ bản đồ số 27) đi xóm Thượng Hà đến hết nhà ông Hoàng Văn Đường (hết thửa đất số 66, tờ bản đồ số 66)	358	269	201	161
	Đoạn đường từ Ngã ba Cốc Xả đi vào xóm Thượng Hà đến nhà ông Vi Văn Quán (hết thửa đất số 370, tờ bản đồ số 42)	358	269	201	161
	Đường liên xóm Bình Minh (nhà ông Vi Đức Phong, thửa đất số 83, tờ bản đồ số 44) đến hết	358	269	201	161

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	đất rẫy nhà ông Vi Văn Tịch (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 30)				
	Đoạn đường từ ngã ba xóm Bình Tâm (nhà ông Hoàng Văn Long, thửa đất số 88, tờ bản đồ số 45) đi xóm Lũng Lạn đến phân trường Lũng Lạn.	236	177	133	106
	Đoạn đường từ ngã ba xóm Thang Tả cũ thuộc xóm Bình Tâm đến nhà văn hóa xóm Hoan Bua cũ, thuộc xóm Đoàn Kết	236	177	133	106
	Đường liên xóm Kéo Noóng cũ thuộc xóm Bình Minh đất rẫy nhà ông Vi Văn Tịch (thửa đất số 41, tờ BD 30)	236	177	133	106
12	Xã Cần Yên				
	Khu vực đất xung quanh chợ	358	269	201	141
	Từ mốc lộ giới xã Cần Yên đến mốc 626	358	269	201	141
	Ngã ba từ nhà ông Nông Văn Tuyến (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 30) đến nhà bà Nông Thị Đới (hết thửa đất số 136, tờ bản đồ số 29)	358	269	201	141
	Ngã ba Nà Thín (nhà ông Nông Văn Tuấn (thửa đất số 321, tờ bản đồ số 14)) đến hết thửa đất nhà bà Hoàng Thị Liên (hết thửa đất số 151, tờ bản đồ số 10) xóm Nà Thín	358	269	201	141
	Tuyến đường Hồng Minh Thượng, từ nhà ông Lục Văn Hát (thửa đất số 206, tờ bản đồ số 44) xóm Bản Gải, xã Cần Yên đến hết tuyến đường Hồng Minh Thượng	358	269	201	141
	Các đoạn đường thuộc xã Vị Quang cũ				
	Đoạn đường từ ngã ba đường liên huyện đến đến trạm Y tế xã Vị Quang cũ	315	236	177	140
	Đoạn từ đầu cầu xóm Pác Khuổi theo đường liên huyện đi xã Cần Yên đến hết địa phận xã Vị Quang cũ (giáp xã Cần Yên cũ).	315	236	177	140
	Đoạn đường từ đầu cầu xóm Pác Khuổi theo đường liên huyện đi xã Sóc Hà đến hết địa phận xã Cần Yên	315	236	177	140
13	Xã Ngọc Động				
	Đoạn đường từ chân dốc Lũng Páng theo đường đi UBND xã đến hết xóm Tàn Tó cũ, thuộc xóm Hòa Chung	350	263	197	158
	Đoạn đường từ nhà bà Lăng Thị Hà (thửa đất số 2, tờ bản đồ số 112) theo đường đi xã Thanh Long đến đường rẽ vào Trường Tiểu học Lũng Nhùng	350	263	197	158
	Đoạn đường từ xóm Thín Thượng (cũ) đến xóm Cốc Phát	236	177	133	106
	Đoạn đường từ xóm Hòa Chung (Tàn Tó cũ) đến xóm Mần Thượng Hạ	236	177	133	106

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
14	Xã Yên Sơn				
	Đoạn từ ngã ba Cốc Rầy đến đường rẽ vào trường mầm non xóm Chọc Mòn 236 thuộc xóm Bình Minh	236	177	133	106
	Đoạn đường từ trường Mầm Non xóm Chọc Mòn thuộc xóm Bình Minh đi xóm Cốc Lùng đến nhà ông Đặng Văn Triu (hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 39).	196	147	110	88
	Từ đường rẽ nhà ông Lục Văn Lợi (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 78) đi hết xóm Nậm Cốp cũ thuộc xóm Bình Minh	196	147	110	88
	Đoạn đường từ ngã ba Cốc Rầy đi xóm Phia Khao đến hết địa phận xã Yên Sơn	196	147	110	88
15	Xã Cần Nông				
	Tuyến đường giáp xã Cần Yên theo Quốc lộ 4A đi hết địa phận xã Cần Nông (giáp xã Xuân Trường, huyện Bảo Lạc)	357	268	201	169
	Đoạn đường từ ngã ba đường mới xóm Nậm Đông đến đường rẽ đi mốc 623 (thuộc xóm Nậm Đông)	357	268	201	169
	Đoạn đường từ đỉnh đèo Khau Táng đến ngã ba xóm Phia Rại	357	268	201	169
	Đoạn từ ngã ba theo đường rẽ đi xóm Bó Thầu cũ (thuộc xóm Tả Cáp) đến ngã ba Nà Rào đường đi Phiêng Pán	201	150	113	90
	Đoạn từ cầu bê tông đi xóm Nà Ến cũ (thuộc xóm Tả Cáp) đến hết đường ô tô đi lại được (hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 56)	201	150	113	90
	Đoạn đường từ (thửa đất số 454, tờ bản đồ số 55) đi xóm Khau Dưa đến hết đường ô tô đi lại được	201	150	113	90
	Đoạn đường từ ngã ba rẽ đi Thang Chập đến hết đường ô tô đi lại được (hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 3)	201	150	113	90
	Đường ngã ba xóm Nậm Đông đi Khuổi Sỏi đến hết nhà ông Nông Văn Nguyễn (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 61)	201	150	113	90
	Đoạn từ nhà ông Lò Văn Tờ (thửa đất số 33, tờ bản đồ số 57) đến mốc 617	201	150	113	90
	Đoạn từ ngã ba xóm Nà Tênh cũ (thuộc xóm Tênh Quốc) rẽ đi đến mốc 614	201	150	113	90
	Đoạn đường đi đến mốc 616, điểm đầu nối với đường Quốc lộ 4A đến mốc 616	201	150	113	90

BẢNG 7: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thị trấn Xuân Hòa				
1	Đường phố loại II				
	Đoạn đường ngã ba tiếp giáp đường Hồ Chí Minh theo đường Xuân Hòa - Văn Dĩnh đến hết tường rào Huyện Ủy	1.700	1.275	956	669
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh đối diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Hà Quảng đến cầu Chợ	1.700	1.275	956	669
	Đoạn từ đường rẽ vào Trường Trung học Cơ sở Xuân Hoà theo trục Hồ Chí Minh đến cầu Nậm Nhãn	1.700	1.275	956	669
	Đoạn từ ngã ba rẽ vào chợ huyện đến nhà ông Hoàng Văn Giám (thửa đất số 36, tờ bản đồ số 19-5) và xung quanh chợ	1.700	1.275	956	669
	Đoạn đường cũ rẽ vào Ủy ban nhân dân huyện từ ngã ba quán ông Hoàng Văn Luân (thửa đất số 80, tờ bản đồ số 18-5) đến nối vào đường Xuân Hòa – Văn Dĩnh hết thửa đất ông Nông Văn Cẩm (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 18-5)	1.700	1.275	956	669
2	Đường phố loại III				
	Đoạn từ đầu cầu Nậm Nhãn (xóm Nà Vạc) theo trục đường Hồ Chí Minh đi Pác Bó đến hết nhà mẫu giáo xóm Đôn Chương	1.152	864	648	454
	Đoạn từ cổng Nhà trẻ Liên Cơ theo đường vào sau chợ đến hết nhà ông Bé Văn Mạc (hết thửa đất số 13, tờ bản đồ số 19-5)	1.152	864	648	454
	Đường liên xã Xuân Hoà – Ngọc Đào, đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh ngã ba rẽ vào Hạt Kiểm lâm đến hết nhà ông Phương Quốc Tuấn (hết thửa đất số 48, tờ bản đồ số 22-5)	1.152	864	648	454
	Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh theo trục đường vào Trường Trung học Cơ sở Xuân Hoà đến hết thửa đất của ông Nông Văn Nghị (hết thửa đất số 53, tờ bản đồ số 32-5) (tổ Xuân Vinh)	1.152	864	648	454
	Đoạn từ ngã tư Đôn Chương theo đường đi Sóc Hà đến đầu cầu Đôn Chương	1.152	864	648	454
	Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh theo trục đường quốc lộ 4A đến nhà ông Bé Văn Quyết (thửa đất số 148, tờ bản đồ số 2) (xóm Đôn Chương)	1.152	864	648	454
	Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh theo trục đường rẽ vào trường Trung học Phổ thông Hà Quảng đến giáp trường (Đông Luông Bán Giàng)	1.152	864	648	454
	Đoạn ngã ba rẽ vào trường THCS Xuân Hòa theo trục đường Hồ Chí Minh xuống đến cầu Na Chang	1.152	864	648	454

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn ngã ba nối vào đường Hồ Chí Minh rẽ vào sân vận động huyện Hà Quảng	1.152	864	648	454
2	Đường phố loại IV				
	Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh rẽ vào nghĩa trang cách nhà quản trang 300 m;	832	624	468	328
	Đường Xuân Hoà – Ngọc Đào: Đoạn từ tiếp giáp nhà ông Phương Quốc Tuấn (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 22-5) đến cầu Hoàng Rẻ;	832	624	468	328
	Đoạn từ cầu Nà Chang theo đường Hồ Chí Minh đến hợp tác xã Toàn Năng	832	624	468	328
	Đoạn đường từ Trường mẫu giáo xóm Đôn Chương theo đường Hồ Chí Minh đến hết địa giới thị trấn Xuân Hoà (giáp xã Trường Hà).	832	624	468	328
	Đoạn ngã ba nối vào đường Xuân Hoà – Ngọc Đào rẽ vào bệnh viện đa khoa huyện (đường bê tông).	832	624	468	328
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh cạnh nhà bà Xoan (thửa đất số 43, tờ bản đồ số 8-5) tổ Xuân Lộc rẽ đi vào xóm Nà Vạc I cũ thuộc xóm Nà Vạc.	832	624	468	328
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh đối diện trường Tiểu học Xuân Hòa (xóm Nà Vạc II cũ) rẽ đi vào xóm Nà Vạc I cũ thuộc xóm Nà Vạc.	832	624	468	328
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh đối diện nhà ông Như (thửa đất số 258, tờ bản đồ số 9) xóm Bản Giàng đi vào nhà mẫu giáo đến hết cầu Nà Nọt.	832	624	468	328
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh đối diện thửa đất của ông Tô Quang Nhân (thửa đất số 413, tờ bản đồ số 9) xóm Bản Giàng II (cũ) rẽ vào xóm Bản Giàng I (cũ) thuộc xóm Bản Giàng đến cầu Pả Lầu.	832	624	468	328
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh qua cạnh máy sát nhà ông Lương Văn Tiến (thửa đất số 81, tờ bản đồ số 8) rẽ vào đến nhà văn hóa xóm.	832	624	468	328
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh đối diện nhà ông Nông Văn Hưng (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 4) xóm Đôn Chương rẽ vào nhà văn hóa xóm vòng qua đến nhà ông Hoàng Văn Khoán (thửa đất số 93, tờ bản đồ số 5).	832	624	468	328
	Đoạn nối vào đường cắt trường THCS Xuân Hòa đối diện nhà ông Lâm Văn Minh (thửa đất số 32-5, tờ bản đồ số 77) rẽ vào đến hết nhà bà Nông Thị Khoa (thửa đất số 159, tờ bản đồ số 19) (tổ Xuân Đại).	832	624	468	328
3	Đường phố loại V				
	Đoạn đường từ Trụ sở Hợp tác xã Toàn Năng theo đường Hồ Chí Minh đến hết địa giới thị trấn Xuân Hòa (giáp xã Ngọc Đào);	498	374	280	196

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đường Xuân Hoà – Ngọc Đào: Đoạn đường từ cầu Hoàng Rê đến hết địa giới thị trấn Xuân Hòa;	498	374	280	196
	Đoạn từ nhà ông Bế Văn Quyết (thửa đất số 148, tờ bản đồ số 2) (xóm Đôn Chương) theo quốc lộ 4A đến hết địa giới thị trấn Xuân Hòa (giáp xã Lũng Nặm);	422	317	237	166
	Đoạn tiếp tường rào Huyện Ủy theo đường Xuân Hòa – Thượng Thôn đến hết địa giới thị trấn Xuân Hòa (giáp xã Thượng Thôn).	422	317	237	166
	Đoạn ngã ba nối vào đường Xuân Hòa – Ngọc Đào rẽ đi xóm Khuổi Pàng.	422	317	237	166
	Đoạn ngã ba nối vào đường Xuân Hòa – Ngọc Đào rẽ vào trường nghề.	422	317	237	166
	Đoạn ngã ba nối vào đường Xuân Hòa – Ngọc Đào rẽ vào xóm Yên Luật (Yên Luật I cũ).	422	317	237	166
	Đoạn ngã ba nối vào đường Xuân Hòa – Ngọc Đào rẽ vào bãi rác hết địa phận thị trấn Xuân Hòa (giáp xã Quý Quân)	422	317	237	166
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh đi qua cạnh thửa đất của ông Sầm Văn Thọ (thửa đất số 333, tờ bản đồ số 9) rẽ đi vào xóm Bản Giàng I đến nhà ông Bế Văn Hiếu (thửa đất số 226, tờ bản đồ số 9)	422	317	237	166
II	Thị trấn Thông Nông				
1	Đường phố loại II				
	Đoạn đường tránh sau chợ điểm đầu nối với đường 204 tại Km50 (Cao Bằng - Cản Yên) điểm cuối tại Km0+200 (nối đường Thông Nông - Lương Can).	1700	1275	956	669
	Đoạn từ ngã ba Viện Kiểm Sát theo đường đi xã Ngọc Động đến cầu Lũng Vịt.	1700	1275	956	669
	Đoạn đường từ ngã ba gốc cây đa đến đầu cầu Cốc Ca	1700	1275	956	669
	Đoạn đường từ ngã ba gốc cây đa đến cửa hàng xăng dầu HTX Hoàng Anh	1700	1275	956	669
	Đoạn đường từ ngã ba gốc cây đa theo hướng đi xã Lương Can đến hết thửa đất hộ ông Nông Văn Nhất (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 77) (Tổ dân phố 2)	1700	1275	956	669
	Đoạn từ ngã ba đi xã Thanh Long đến cầu Keng Thốc.	1700	1275	956	669
	Đất khu dân cư mặt tiền xung quanh chợ.	1700	1275	956	669
2	Đường phố loại III				
	Đoạn đường từ đầu cầu Cốc Ca theo đường tỉnh 204 đến đất ở nhà ông Hoàng Văn Sùng (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 59) xóm Cốc Ca	1013	760	570	399
	Đường vào Trường tiểu học Thị trấn điểm đầu nối	1013	760	570	399

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	với đường đi Lương Can, điểm cuối nối với nhánh 5 của Quy hoạch thị trấn (hết tường rào của Trường tiểu học thị trấn)				
	Đoạn từ ngã ba đường 204 theo đường vào trụ sở Huyện ủy cũ lên đến cổng Huyện ủy.	1013	760	570	399
	Đoạn từ đầu cầu xóm Lũng Vịt theo đường đi xã Ngọc Động đến hết thửa đất của ông Vương Văn Dẻ (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 12)	1013	760	570	399
	Đoạn đường từ thửa đất tiếp giáp hộ ông Nông Văn Nhất (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 77) (Tổ dân phố 2) theo hướng đi xã Lương Can đến hết địa giới thị trấn (giáp xã Lương Can)	1013	760	570	399
3	Đường phố loại IV				
	Đoạn đường từ ngã ba đường theo đường đi xóm Lũng Quang cũ thuộc Tổ dân phố 6 đến chân dốc Lũng Quang	687	515	386	271



**PHỤ LỤC SỐ 4****BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2020-2024
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BẢO LẠC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP**BẢNG 1: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA**

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã Trung Du				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	72	50	29
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	65	45	26
	Đất trồng lúa nương	LUN	45	32	18
2	Xã Miền Núi				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	61	42	24
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	55	39	22
	Đất trồng lúa nương	LUN	39	27	15

BẢNG 2: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã Trung Du				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	59	42	24
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	42	29	17
2	Xã Miền Núi				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	51	35	20
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	35	25	14

BẢNG 3: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã Trung Du	CLN	57	40	27
2	Xã Miền Núi	CLN	48	34	19

BẢNG 4: BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất
1	Xã Trung Du		
	Đất rừng sản xuất	RSX	11
2	Xã Miền Núi		
	Đất rừng sản xuất	RSX	9

BẢNG 5: BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã Trung Du	NTS	41	28	16
2	Xã Miền Núi	NTS	35	25	14

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**BẢNG 6: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN***Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Xã Miền Núi				
1	Xã Hồng Trị				
	Các vị trí đất mặt tiền từ tiếp giáp thị trấn Bảo Lạc theo Quốc lộ 34 đến hết địa phận xã Hồng Trị (tiếp giáp xã Kim Cúc)	270	203	152	122
2	Xã Bảo Toàn				
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục Quốc lộ 34 từ giáp xã Thượng Hà đến giáp xã Vĩnh Quang (huyện Bảo Lâm)	270	203	152	122
3	Xã Cô Ba				
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường ô tô từ giáp ranh địa giới Thị trấn Bảo Lạc đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã.	230	173	129	104
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường ô tô (đường rẽ từ Nà Tao) đến đầu cầu vượt Sông Gâm và đoạn đường vượt qua đường ngầm vào mốc 589 (khe hồ nháy)	230	173	129	104
4	Xã Cốc Pàng				
	Đất mặt tiền của đoạn đường từ suối Cốc Pàng đến trạm xá (đường đi Đức Hạnh) và đất mặt tiền xung quanh trung tâm chợ Cốc Pàng	358	269	201	161
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường ô tô từ đường rẽ từ đầu cầu bê tông xóm Cốc Pàng đi vào mốc 535	358	269	201	161
	Đoạn đường từ Trụ sở UBND xã cũ đến đoạn đường rẽ đi xóm Nà Nộc (Khuổi Tằng cũ)	304	228	171	137
5	Xã Đình Phùng				
	Các vị trí đất mặt tiền của xã Đình Phùng dọc Quốc lộ 34 mới từ vị trí (giáp xã Huy Giáp) đến hết địa phận xã Đình Phùng (giáp xã Ca Thành huyện nguyên Bình).	270	203	152	122
	Đường tỉnh lộ 202 từ tiếp giáp Xã Yên Lạc (Huyện Nguyên Bình) đến hết địa phận xã Đình Phùng tiếp giáp xã Huy Giáp	230	173	129	104

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường đi Bản Chồi, đi xóm Phiêng Bướng. (Từ trục đường Quốc lộ 34 xóm Phiêng Châu 1 đến xóm Bản Bướng)	196	147	110	88
	Đoạn đường từ đầu cầu treo xóm Phiêng Châu I dọc theo đường giao thông nông thôn đến hết nhà máy thủy Điện Nậm Pát	196	147	110	88
	Đoạn đường từ xóm Lũng Vài giáp xã Huy Giáp theo đường Quốc lộ 34 cũ đến hết địa phận xã Đình Phùng (giáp xã Yên Lạc huyện Nguyên Bình)	196	147	110	88
6	Xã Hồng An				
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường ô tô đến trung tâm xã	196	147	110	88
7	Xã Huy Giáp				
	Đoạn đường nhà ông Đặng Phụ Tịnh xã Huy Giáp đến giáp ngã ba đường đi xã Xuân trường và các vị trí xung quanh chợ trung tâm và chợ nông sản xã Huy Giáp	420	315	236	189
	Đoạn đường từ cây xăng Bản Ngà (thuộc đất trung tâm cụm xã Huy Giáp) theo Quốc lộ 34 đi Cao Bằng đến hết địa phận Xã Huy Giáp, giáp xã Đình Phùng	420	315	236	189
	Đoạn đường rẽ từ Quốc lộ 34 lên Bản Ngà dọc theo đường 215 đến điểm trường Bản Ngà	420	315	236	189
	Đoạn đường từ ngã ba đi Pác Lũng rẽ đi đường xã Xuân Trường đến Trường bán trú xã Huy Giáp.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ cây xăng Bản Ngà theo Quốc lộ 34 mới đến hết địa phận xã Huy Giáp (Giáp xã Hưng Đạo)	270	203	152	122
	Đường tỉnh lộ 202 đoạn từ tiếp giáp xã Đình Phùng qua địa phận xã Huy Giáp đến tiếp giáp xã Hưng Đạo.	270	203	152	122
8	Xã Hưng Đạo				
	Đất mặt tiền theo trục Quốc lộ 34 từ trường trung học cơ sở xã Hưng Đạo đến cây đa trường tiểu học (cũ) và đất xung quanh chợ mới xã Hưng Đạo	304	228	171	137

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục Quốc lộ 34 mới đoạn từ tiếp giáp Trường THCS đến hết địa giới xã Hưng Đạo (giáp xã Huy Giáp) và đoạn từ cây đa xóm Bàn Riền đến hết địa giới xã Hưng Đạo (giáp xã Kim Cúc)	270	203	152	122
9	Xã Hưng Thịnh				
	Các vị trí đất mặt tiền từ ngã ba Kim Cúc lên đến hết xóm Khuổi Mực (cũ) thuộc xóm Khuổi Mực	230	173	129	104
10	Xã Kim Cúc				
	Các vị trí đất mặt tiền từ tiếp giáp xã Hồng trị theo Quốc lộ 34 đến hết địa phận xã Kim Cúc (giáp xã Hưng Thịnh)	270	203	152	122
11	Xã Khánh Xuân				
	Các vị trí đất mặt tiền theo đường ô tô từ giáp ranh địa giới thị trấn (Pác Pét) đến trụ sở UBND xã	230	173	129	104
	Đoạn đường từ đầu cầu vượt Sông Gâm đến cầu ngầm vào mốc 589 (khe hồ nháy)	230	173	129	104
12	Xã Phan Thanh				
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường ô tô giáp ranh địa giới thị trấn đi đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã.	230	173	129	104
13	Xã Sơn Lập				
	Các vị trí đất mặt tiền dọc theo trục đường ô tô từ giáp Xã Sơn Lộ đến UBND Xã Sơn Lập	196	147	110	88
	Các vị trí đất trung tâm xã Sơn Lập	196	147	110	88
14	Xã Sơn Lộ				
	Đoạn đường từ ngã ba cầu Bản Tuồng qua UBND Xã đến giáp đất Bằng Thành - Pác Nặm	230	173	129	104
	Đoạn đường từ ngã ba cầu Bản Tuồng theo đường Sơn Lập đến khe suối Bản Khuông và đất xung quanh chợ xã Sơn Lộ	230	173	129	104
	Đoạn từ ngã ba bản Khuông theo đường đi xã Hưng Thịnh đến điểm trường tiểu học cũ	230	173	129	104
15	Xã Thượng Hà				
	Đất mặt tiền từ xóm Pác Riệu (giáp Bảo Lạc) theo đường 217 đến giáp xã Cốc Pàng	270	203	152	122

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ tiếp giáp thị trấn Bảo Lạc theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới xã Thượng Hà (giáp xã Bảo Toàn).	270	203	152	122
16	Xã Xuân Trường				
	Đoạn đường từ chân dốc Ngâm Pá Thốc dọc Quốc lộ 4A đến Cẩm Bê	270	203	152	122
	Đoạn đường từ ngã ba truyền hình dọc theo tỉnh lộ 215 đến đập tràn Thua Tổng	270	203	152	122

BẢNG 7: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠİ ĐÔ THỊ*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Thị trấn Bảo Lạc				
1	Đường loại II				
	Đoạn đường từ cổng Bưu điện dọc theo tuyến phố đến hết nhà ông Trần Văn Phúc (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 77) ngã ba đầu cầu Gò Luông	2.433	1.825	1.369	958
	Đoạn đường từ nhà ông Tô Văn Thắm (thửa đất số 94, tờ bản đồ số 76) (Khu 2) đến sát cầu thị trấn (nhà Bà Lữ Thị Tươi (thửa đất số 130, tờ bản đồ số 76)				
	Đoạn đường vào tổ dân phố 4 đến nhà ông Trần Văn Quyền (hết thửa đất số 162, tờ bản đồ số 76)				
	Đoạn đường bờ sông tiếp giáp cầu Bảo Lạc 2 (Trung tâm chợ) đến hết nhà ông Trần Văn Phúc (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 77) Tổ dân phố 3 (ngã ba cầu gò Luông)				
	Đoạn đường phía sau Tổ dân phố 2 từ giáp cầu Bảo Lạc 2 theo bờ kè sông Nieu lên giáp vườn Phương Văn Nịp (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 75) Tổ dân phố 2 (giáp đường bê tông lên Điện lực)				
	Đoạn từ nhà bà Lê Mai Hoa (thửa đất số 82, tờ bản đồ số 76) (Khu 2) đến giáp đường bê tông cạnh Điện lực				
2	Đường loại III				
	Đoạn giáp đường rẽ đi xã Phan Thanh (ngã ba cầu gò Luông) đi qua Tổ dân phố 4 đi xã Khánh Xuân đến nhà bà Mông Thị Tươi	1.654	1.241	930	651

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	(hết thửa đất số 351, tờ bản đồ số 32) (Tổ dân phố 4)				
	Đoạn từ giáp ranh cống sát Bưu điện theo Quốc lộ 34 đến hết nhà ông Nông Hoàng Hà (hết thửa đất số 13, tờ bản đồ số 88) (Tổ dân phố 1)				
	Đoạn đường dọc Quốc lộ 34 đường đi Bảo Lâm từ nhà ông Đàm Trí Tuệ (thửa đất số 49, tờ bản đồ số 76) (Khu 2) đến giáp đoạn đường tránh Quốc Lộ 34 (Nhà ông Lý Hải Hầu (thửa đất số 43, tờ bản đồ số 66)				
3	Đường loại IV				
	Đoạn đường từ nhà ông Nông Hoàng Hà (thửa đất số 13, tờ bản đồ số 88) (Tổ dân phố 1) đến chùa Vân An				
	Đoạn tiếp giáp từ nhà ông Bế Kim Doanh (thửa đất số 139, tờ bản đồ số 72) lên đến cổng Huyện đội.				
	Đoạn đường từ ngã ba chùa Vân An dọc theo đường tránh Quốc lộ 34 đến nhà ông Phan Công Hoan (hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 12) (Tổ dân phố 5)	1.121	841	631	441
	Đoạn đường từ vườn Phương Văn Níp (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 75) (Tổ dân phố 2) theo đường bờ kè sông Nieu lên Tổ dân phố 1				
4	Đường loại V				
	Đoạn đường từ tiếp giáp xóm Pác Riệu (xã Thượng Hà) theo đường 217 đi Tổ dân phố 4 hết địa phận Thị trấn Bảo Lạc (giáp xã Cô Ba				
	Đoạn đường từ nhà ông Phan Công Hoan (thửa đất số 9, tờ bản đồ số 12) dọc theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới hành chính thị trấn Bảo Lạc (giáp xã Thượng Hà)	810	608	456	319
	Đoạn đường từ ngã ba chùa Vân An theo Quốc lộ 34 đến giáp địa phận xã Hồng Trị				





PHỤ LỤC SỐ 5

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2020-2024

TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NGUYỄN BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP

BẢNG 1: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
I	Xã trung du				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	72	50	29
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	65	45	26
	Đất trồng lúa nương	LUN	45	32	18
II	Xã miền núi				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	61	42	24
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	55	39	22
	Đất trồng lúa nương	LUN	39	27	15

BẢNG 2: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
I	Xã trung du				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	59	42	24
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	42	29	17
II	Xã miền núi				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	51	35	20
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	35	25	14

BẢNG 3: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
I	Xã trung du	CLN	57	40	23
II	Xã miền núi	CLN	48	34	19

BẢNG 4: BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất
I	Xã trung du		
	Đất rừng sản xuất	RSX	11
II	Xã miền núi		
	Đất rừng sản xuất	RSX	9

BẢNG 5: BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
I	Xã trung du	NTS	41	28	16
II	Xã miền núi	NTS	35	25	14

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**BẢNG 6: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN***Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Xã miền núi				
1	Xã Minh Tâm				
	Đoạn đường từ Ngã ba đi xóm Long Hoa (thửa đất số 353, tờ BĐDC 40) dọc theo đường Minh Tâm – Hồng Việt đến Ngã ba cầu Nà Hẩu (đến hết thửa đất số 202, tờ bản đồ số 32)	358	269	201	161
	Đoạn đường từ ngã ba Cốc Sâu (tờ bản đồ số 50) dọc theo đường Minh Tâm - Hồng Việt đến ngã ba đường đi xóm Long Hoa (hết thửa đất số 353, tờ bản đồ số 40)	304	228	171	137
	Các đoạn đường thuộc xã Lang Môn cũ				
	Đoạn từ tiếp giáp ranh giới (giáp xã Bắc Hợp cũ) dọc theo Quốc lộ 34 đến hết nhà ông Ngọc Văn Sự (hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 2).	420	315	236	189
	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 34 (thửa đất số 95, tờ bản đồ số 7 lang Môn) lên đến cổng Trường cấp II, III Nà Bao (thửa số 45, tờ bản đồ số 7)	358	269	201	161
	Đoạn từ đường rẽ lên xã Minh Tâm đến ngã ba đường vào chợ Nà Bao (tờ bản đồ số 02, thửa đất số 85) (mở mới song song với Quốc lộ 34)	358	269	201	161
	Đoạn từ đường mở mới song song Quốc lộ 34 nối từ đường đi Minh Tâm đến chợ Nà Bao.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ nhà ông Ngọc Văn Sự (thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2) theo Quốc lộ 34 đến hết nhà bà Trần Thị Tuyết (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 9).	304	228	171	137
	Đoạn đường từ nhà bà Trần Thị Tuyết (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 9) dọc theo Quốc lộ 34 đến hết địa phận giáp xã Hoàng Tung, huyện Hòa An.	304	228	171	137
	Các đoạn đường thuộc xã Bắc Hợp cũ				
	Đoạn đường từ tiếp giáp xóm Nà Bao (xã Lang Môn) đến nhà ông Mạc Văn Căn (hết thửa đất số 48, tờ bản đồ số 43)	420	315	236	189
	Đoạn đường từ nhà ông Mạc Văn Căn (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 43) đến nhà bà Phạm Thị Tươi (hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 49)	420	315	236	189

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ nhà ông Mạc Đình Sáu (thửa đất số 262, tờ bản đồ số 39) đến nhà bà Đoàn Thị Hơ (đến hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 30) (Xóm Bản Nưa)	358	269	201	161
	Đoạn đường từ nhà bà Đoàn Thị Hơ (thửa đất số 220, tờ bản đồ số 30) (Xóm Bản Nưa) đến nhà ông Ma Văn Quấn (hết thửa đất số 432, tờ bản đồ số 23) (Xóm Bản Chang)	358	269	201	161
	Các đoạn đường bổ sung				
	Đoạn đường bê tông đường trục chính xóm Long Hoa từ thửa đất số 344, tờ bản đồ số 40 dọc hai bên đường đến hết thửa đất số 275, tờ bản đồ số 29.	179	147	110	88
	Đoạn đường bê tông đường trục chính xóm Đông Sơn từ thửa đất số 246, tờ bản đồ số 29 dọc hai bên đường đến nhà ông Nông Hoàng Hòa (hết thửa đất số 50, tờ bản đồ số 23) xóm Mai Sơn.	179	147	110	88
	Đoạn đường bê tông đường trục chính xóm Bắc Sơn từ thửa đất số 135, tờ bản đồ số 32 dọc hai bên đường đến hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 22.	179	147	110	88
	Đoạn đường bê tông đường trục chính xóm Bắc Sơn thửa đất số 44, tờ bản đồ số 22 dọc hai bên đường đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 9.	179	147	110	88
	Đoạn đường bê tông đường trục chính xóm Bắc Sơn từ thửa đất số 45 tờ bản đồ số 22 dọc hai bên đường đến hết thửa đất số 126 tờ bản đồ số 12.	179	147	110	88
	Đoạn đường bê tông đường trục chính xóm Bắc từ thửa đất số 286 tờ bản đồ số 13 dọc hai bên đường đến hết thửa đất số 83 tờ bản đồ số 13.	179	147	110	88
	Đoạn đường từ nhà ông Mạc Đình Sáu (thửa đất số 262, tờ bản đồ số 39) đến nhà ông Hoàng Văn Duy (Thửa 88 tờ bản đồ số 24) (xóm Mai Sơn (xóm Bản Chang (cũ).	230	173	129	104
	Đoạn từ quán ông Hoàng Văn Dung (Thửa số 6, tờ bản đồ số 43) đến nhà bà Nông Thị Diễm, xóm Tân Tiến (đến hết thửa đất số 8, tờ bản đồ số 42).	152	106	76	46
	Đoạn từ nhà Đinh Anh Đức xóm Tân Tiến (thửa số 237, tờ bản đồ số 42) đến nhà ông Đặng Văn Vặn (đến hết thửa đất số 240, tờ bản đồ số 42).	152	106	76	46

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ nhà ông Đoàn Ngọc Ly, xóm Tân Tiến (Thửa số 13, tờ bản đồ số 52) đến nhà ông Bàn Tồn Lưu, xóm Đồng Tâm, xã Vũ Minh (xóm Pù Lầu cũ) (đến hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 65).	152	106	76	46
	Đoạn từ quán ông Tô Đình Việt (thửa số 26, tờ bản đồ số 52) đến nhà ông Hoàng Văn Hòa, xóm Tân Tiến (đến hết thửa số 48, tờ bản đồ số 51).	152	106	76	46
	Đoạn từ Hạt Giao thông 10 (thửa số 202, tờ bản đồ số 51) đến nhà ông Tô Đình Việt, xóm Tân Tiến (đến hết thửa số 182, tờ bản đồ số 51).	152	106	76	46
	Đoạn từ nhà ông Đoàn Quốc Việt (thửa số 359, tờ bản đồ số 23) đến nhà ông Đình Văn Đối, xóm Mai Sơn (đến hết thửa số 411, tờ bản đồ số 23).	152	106	76	46
	Đoạn từ nhà ông Đình Văn Đối (thửa số 411, tờ bản đồ số 23) đến nhà ông Nguyễn Văn Đoàn, xóm Mai Sơn (thửa số 518, tờ bản đồ số 23).	152	106	76	46
	Đoạn từ nhà ông Đình Văn Đối (thửa số 411, tờ bản đồ số 23) đến nhà bà Đàm Thị Liên, xóm Mai Sơn (đến hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 32).	152	106	76	46
	Đoạn từ nhà bà Đoàn Thị Tuyết Mai, xóm Giang Sơn (thửa số 11, tờ bản đồ số 31) đến hết thửa đất số 95, tờ bản đồ số 31.	152	106	76	46
	Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Trùng xóm Giang Sơn (thửa số 60, tờ bản đồ số 31) đến hết thửa số 126, tờ bản đồ số 31.	152	106	76	46
	Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Diễn xóm Giang Sơn (thửa số 118, tờ bản đồ số 31) đến nhà ông Ma Hồng Thám (đến hết thửa đất số 190, tờ bản đồ số 31).	152	106	76	46
	Đoạn từ thửa đất số 337, tờ bản đồ số 31 xóm Giang Sơn đến nhà ông Hoàng Văn Viễn (đến hết thửa đất số 265, tờ bản đồ số 31).	152	106	76	46
	Đoạn từ nhà Văn hóa xóm Giang Sơn (thửa số 57, tờ bản đồ số 30) đến nhà ông Đoàn Văn Đồng (đến hết thửa đất số 251, tờ bản đồ số 31).	152	106	76	46
	Đoạn từ thửa đất số 164, tờ bản đồ số 29 xóm Giang Sơn đến nhà ông Đoàn Ngọc Bun (đến hết thửa đất số 1, tờ bản đồ số 38).	152	106	76	46
	Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Phai xóm Giang	152	106	76	46

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	(Thửa số 68, tờ bản đồ số 38) đến nhà ông Hoàng Văn Tu đến hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 38).				
	Đoạn từ nhà ông Ngô Văn Lý xóm Tân Tiến (Thửa số 139, tờ bản đồ số 38). đến hết Thửa số 115, tờ bản đồ số 38.	152	106	76	46
	Đoạn đường ngã ba QL 34 từ thửa đất ở hộ ông Đoàn Ngọc Ly xóm Tân Tiến (xóm Bản Ính cũ) (Thửa số 13, tờ bản đồ số 52) dọc theo đường vào xóm Nà Nội đến hết địa phận xã Minh Tâm giáp xã Hoa Thám.	152	106	76	46
	Đoạn từ đường rẽ QL34 vào trục đường xóm Hợp Nhất (xóm Kẽ Sy - Kẽ Già cũ) - Nà Bao, (nhà ông Hoàng Văn Hoạt xóm Hợp Nhất (xóm Kẽ Sy cũ) đến nhà bà Nông Thị Phật, xóm Nà Bao) (từ thửa số 1235, tờ bản đồ số 01 đến hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 07).	152	106	76	46
	Đoạn từ đường rẽ QL34 vào xóm Đồng Tâm (xóm Nà Po cũ) (từ thửa số 185, tờ bản đồ số 01 đất lâm nghiệp đến hết thửa đất số 23, tờ bản đồ số 13).	152	106	76	46
	Đoạn đường vào xóm Đồng Tâm (xóm Nà Piao cũ) nhà bà Hoàng Thị Phần xóm Đồng Tâm (xóm Nà Piao cũ) (Từ thửa số 108, tờ bản đồ số 46 đến thửa số 227, tờ bản đồ số 01 đất lâm nghiệp tiếp giáp với QL 34).	152	106	76	46
	Đoạn từ đường rẽ QL34 vào xóm Lang Môn (xóm Nà Lặng cũ) nhà ông Hoàng Văn Tùng đến địa giới giáp ranh xã Bình Dương, huyện Hòa An (từ thửa số 185, tờ bản đồ số 01 đến thửa số 470, tờ bản đồ số 01 đất lâm nghiệp).	152	106	76	46
	Đoạn từ đường rẽ QL34 vào xóm Lang Môn (xóm Lũng Hính cũ) nhà ông Hoàng Văn Thường đến nhà bà Tô Thị Hiệp (từ thửa số 185, tờ bản đồ số 01 đất lâm nghiệp đến hết thửa đất số 255, tờ bản đồ số 32).	152	106	76	46
2	Xã Vũ Minh				
	Các đoạn đường thuộc xã Minh Thanh cũ				
	Đoạn đường từ thửa đất rẫy của bà Đặng Thị Tuyên (thửa đất số 293, tờ bản đồ số 46) (xóm Vũ Ngựợc) dọc theo đường Quốc lộ 34 đến cầu Tà Sa (đến hết thửa đất số 101, tờ bản đồ số 32).	358	269	201	161
	Các đoạn đường từ Quốc Lộ 34 đến Nhà văn hóa các xóm Vũ Ngựợc, Nà Khoang, Đoàn Kết	304	228	171	137

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ cầu Nà Giảo (xóm Vũ Ngược) đến đất ruộng ông Đinh Ngọc Lâm (hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 24)	304	228	171	137
	Đoạn đường từ Quốc Lộ 34 (nhà ông Đàm Đức Thuận (thửa đất số 290, tờ bản đồ số 30) đến nhà bà Mã Thị Hoàng (đến hết thửa đất số 72, tờ bản đồ số 42) (xóm Nà Tổng, nay là xóm Đồng Tâm)	304	228	171	137
	Các đoạn đường thuộc xã Thái Học cũ				
	Đoạn đường từ nhà ông Bàn Tồn Dân (Bàn Văn Dân) (thửa đất số 66, tờ bản đồ số 78) (Mỏ đá Trung Làng) đến đường bê tông rẽ xuống nhà ông Hoàng Quỳ Phúc (đến hết thửa đất số 05, 06, tờ bản đồ số 26) (xóm Lũng Ráo) dọc theo đường liên huyện Bó Ca - Thái Học - Bình Lãng - huyện Hà Quảng	230	173	129	104
	Đoạn đường từ nhà bà Hoàng Mùi Lai (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16) đến nhà ông Lý Tồn U (đến hết thửa đất số 11, tờ bản đồ số 03)	230	173	129	104
	Đoạn đường tiếp từ ngã ba rẽ xuống nhà ông Hoàng Quỳ Phúc (thửa đất số 05, 06, tờ bản đồ số 26) đến ngã ba đường bê tông nhà bà Hoàng Mùi Lai (đến hết thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16).	230	173	129	104
	Đoạn đường từ nhà ông Lý Tồn U (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 03) đến hết địa phận xã Thái Học (giáp xã Bình Lãng)	230	173	129	104
	Các đoạn đường thuộc xã Bắc Hợp cũ				
	Đoạn đường từ nhà bà Phạm Thị Tươi (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 49), dọc theo Quốc Lộ 34 đến cầu Tà Sa	420	315	236	189
	Đoạn từ nhà máy thủy điện Tà Sa đến hết nhà ông Lưu Xuân Nội (Lưu Văn Nội) (đến hết thửa đất số 09, tờ bản đồ số 46) (Tà Sa)	358	269	201	161
	Các đoạn đường bổ sung				
	Đoạn đường Nà Cóc từ QL 34 (thửa đất số 258, tờ bản đồ số 16) đến nhà ông Lương Văn Chăm xóm Nà Khoang đến hết thửa đất số 166, tờ bản đồ số 15.	179	147	110	88
	Đoạn đường lên xóm Tân Thịnh (xóm Cô Ba cũ), từ thửa đất rẫy của ông Lương Văn Đàn (thửa đất số 60, tờ bản đồ số 17) đến nhà ông Ngô Văn Thắng (đến hết thửa đất số 168, tờ	179	147	110	88

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	bản đồ số 10).				
	Đoạn đường từ nhà ông Phan Minh Tuấn (thửa đất số 77, tờ BĐ 42) đến nhà ông Bàn Văn Minh xóm Nà Rông (hết thửa đất số 91, tờ bản đồ số 54).	179	147	110	88
	Đoạn đường từ cầu Tả Tả (thửa đất số 110, tờ bản đồ số 42) đến cuối tuyến đường Đông Sâu (đến hết thửa đất số 362, tờ bản đồ số 56).	179	147	110	88
	Đoạn đường từ Nhà VH xóm Nà Rông đến nhà ông Bàn Văn Minh (đến hết thửa đất số 91, tờ bản đồ số 54).	179	147	110	88
	Đoạn từ thửa đất số 16, tờ bản đồ số 57 xóm Đồng Tâm (xóm Pù Lầu cũ), đến nhà ông Triệu Tồn Chải (đến hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 58).	152	106	76	46
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34 xóm Đồng Tâm (xóm Pù Lầu cũ) đến nhà ông Triệu Văn Liều (đến hết thửa đất số 84, tờ bản đồ số 57).	152	106	76	46
	Đoạn đường từ nhà bà Phan Thị Hồng Hạnh xóm Đồng Tâm (xóm Pù Lầu cũ) (thửa số 130, tờ bản đồ 47) đến hết thửa đất số 100, tờ bản đồ số 47.	152	106	76	46
	Đoạn từ thửa đất số 62, tờ bản đồ số 53 (xóm Tả Sa) đến nhà ông Bàn Tồn Sinh (đến hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 53).	152	106	76	46
	Đoạn từ thửa đất số 78, tờ bản đồ số 45 (xóm Tả Sa) đến nhà ông Mông Văn Hường (thửa đất số 107, tờ bản đồ số 45).	152	106	76	46
	Đoạn từ nhà bà Hoàng Thị Bích xóm Tả Sa (thửa đất số 58, tờ bản đồ 45) đến nhà bà Nguyễn Thị Quyên (đến hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 45).	152	106	76	46
	Đoạn từ nhà bà Lý Thị Duyên xóm Tả Sa (thửa đất số 136, tờ bản đồ 27) đến nhà ông Phan Văn Thành (đến hết thửa đất số 103, tờ bản đồ số 27).	152	106	76	46
	Đoạn từ nhà ông Tồn xóm Tả Sa (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 17) đến nhà ông Lý Lồng Siệu (đến hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 18).	152	106	76	46
	Đoạn từ thửa đất số 82, tờ bản đồ số 45 (xóm Tả Sa) đến nhà ông Hoàng Văn Danh (đến hết thửa đất số 195, tờ bản đồ số 45).	152	106	76	46

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ nhà bà Hoàng Thị Lành xóm Tà Sa (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 45) đến hết thửa đất số 1004, tờ bản đồ số 46.	152	106	76	46
	Đoạn từ nhà ông Lưu Văn Kiệm - xóm Tà Sa (thửa số 613, tờ bản đồ 46) đến nhà ông Nông Văn Quỳnh (đến hết thửa đất số 611, tờ bản đồ số 46).	152	106	76	46
	Đoạn từ thửa đất số 798, tờ bản đồ số 46 (xóm Tà Sa) đến nhà ông Hà Công Lanh (đến hết thửa đất số 815, tờ bản đồ số 46).	152	106	76	46
	Đoạn từ nhà bà Ngô Thị Vơn xóm Tà Sa (thửa đất số 538, tờ bản đồ số 46) đến nhà ông Lanh Phúc Cường (đến hết thửa đất số 317, tờ bản đồ số 46).	152	106	76	46
	Đoạn từ thửa đất số 69, tờ bản đồ số 45 đến nhà ông Tống Văn Thông (đến hết thửa đất số 251, tờ bản đồ số 46).	152	106	76	46
	Đoạn từ nhà ông Lanh Phúc Mông xóm Tà Sa (Thửa đất số 309, tờ bản đồ số 46) đến nhà ông Lanh Văn Thương (đến hết thửa đất số 349, tờ bản đồ số 46).	152	106	76	46
	Đoạn từ nhà bà Hoàng Thị Cát xóm Tà Sa (Thửa đất số 138, tờ bản đồ số 46) đến nhà ông Bé Vi Nguyên (đến hết thửa đất số 194, tờ bản đồ số 46).	152	106	76	46
	Đoạn từ đầu cầu Bó Cáy xóm Tà Sa đến nhà bà Hoàng Thị Tuyết (đến hết thửa đất số 43, tờ bản đồ số 46).	152	106	76	46
	Đoạn từ nhà ông Đào Văn Kỳ xóm Tà Sa (Thửa đất số 125, tờ bản đồ số 27) đến nhà ông Đào Văn Pá (đến hết thửa đất số 53, tờ bản đồ số 27).	152	106	76	46
	Đoạn từ đầu đập Giản Đầy xóm Tà Sa đến nhà ông Xe (đến hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 05).	152	106	76	46
	Đoạn từ ngã tư nhà Văn hóa xã Thái Học cũ (nay là xã Vũ Minh) (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 68) dọc theo đường liên xóm, đến hết đường ô tô đi lại được của xóm Lũng Ấn (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 39)	179	147	110	88
	Đoạn từ ngã ba đường rẽ đi xóm Lũng Ấn, xã Vũ Minh (nhà ông Triệu Đào Chiêu, thửa đất số 32, tờ bản đồ số 50) đến hết nhà ông Đặng Văn Nhân (hết thửa đất số 152, tờ bản đồ số 30)	179	147	110	88

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ ngã tư nhà văn hóa xã Thái Học cũ (nay là xã Vũ Minh) (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 68) dọc theo đường liên xóm rẽ vào xóm Lũng Chang đến hết đường ô tô đi lại được (đến hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 76) nhà ông Lý Kiềm On	179	147	110	88
	Đoạn từ ngã ba rẽ đi xóm Lũng Quang (nhà ông Bàn Đào On, tờ bản đồ số 58, thửa đất số 18) dọc theo đường liên xóm đến nhà ông Lý Chàn Toòng (đến hết thửa đất số 24, tờ bản đồ số 65)	152	106	76	46
	Đoạn từ ngã ba rẽ đi xóm Lũng Quang (nhà ông Bàn Tuấn Nhì, thửa đất số 11, tờ bản đồ số 56) đến nhà ông Lý Đào Kiềm (đến hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số 43) xóm Lũng Quang	152	106	76	46
3	Xã Thề Dục				
	Đoạn đường từ tiếp giáp với địa phận thị trấn Nguyên Bình, dọc theo Quốc lộ 34, dọc theo đường tránh Quốc lộ 34 đến ngã ba (đường rẽ đi xã Triệu Nguyên).	445	334	251	201
	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 34 đi xã Triệu Nguyên đến hết nhà ông Hoàng Đức Hòa (Mây) (thửa đất số 134, tờ bản đồ số 42)	358	269	201	161
	Đoạn từ ngã ba đường đi Triệu Nguyên dọc theo Quốc lộ 34 đến giáp xã Quang Thành và thị trấn Tĩnh Túc.	358	269	201	161
	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 34 đi xóm Tổng ngà đến nhà văn hóa xóm Tổng Ngà	358	269	201	161
	Đoạn từ ngã ba đường đi xã Triệu Nguyên, đi xóm Phía Bó đến nhà văn hóa xóm Phía Bó (Phía Toọc cũ)	358	269	201	161
	Đoạn đường từ ngã ba Pác Bó (xóm Phía Bó) - Triệu Nguyên đi xã Triệu Nguyên đến hết địa giới hành chính xã Thề Dục	358	269	201	161
	Đoạn từ ngã ba đường xóm Tổng Ngà đi xóm Lũng Nội đến nhà bà Bàn Mùi Phìn (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 14).	358	269	201	161
	Đoạn từ ngã ba nhà ông Hà Tô Sậy (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 20) đến Slam Kha	358	269	201	161
4	Xã Ca Thành				
	Đoạn từ ngã ba Ca Thành dọc theo Quốc lộ 34 đến xóm Xà Pèng	230	173	129	104

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ Xà Pèng dọc theo Quốc lộ 34 đến xóm Nặm Dân giáp xã Đình Phùng (Huyện Bảo Lạc)	230	173	129	104
5	Xã Hoa Thám				
	Đoạn đường dọc theo trục đường xã Tam Kim - Hoa Thám từ nhà ông Chu Văn Kinh (thửa đất số 868, tờ bản đồ số 74), xóm Nà Chấn theo đường Hoa Thám đến hết nhà văn hóa xóm Cầm Tẹm.	230	173	129	104
	Đoạn đường Quốc lộ 3 tiếp giáp xã Thịnh Vượng từ nhà ông Triệu Ích Lâm (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 145) đến nhà ông Triệu Văn Su xóm Khuổi Hoa (đến hết thửa đất số 78, tờ bản đồ số 160).	230	173	129	104
	Đoạn từ trụ sở UBND xã, xóm Cầm Tẹm theo đường Hoa Thám - Quốc lộ 3 đến nhà ông Triệu Văn Xuân (đến hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 155), xóm Khuổi Hoa.	196	147	110	88
6	Xã Hưng Đạo				
	Đoạn đường từ Trụ sở UBND xã Hưng Đạo đến nhà ông Nông Văn Đoàn (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 64).	230	173	129	104
	Đoạn từ trường mẫu giáo xóm Roòng Cun lên khu Khuổi Chóc	230	173	129	104
7	Xã Mai Long				
	Đoạn đường dọc theo trục đường lớn từ ngã ba xã Phan Thanh đến Trụ sở UBND xã Mai Long, từ Trụ sở UBND xã Mai Long đi chợ Pác Nặm, xã Bằng Thành, huyện Pắc Nặm, tỉnh Bắc Kạn	230	173	129	104
8	Xã Phan Thanh				
	Đoạn đường liên xã từ ngã ba Slao Liáng đến hết địa phận xã Phan Thanh	230	173	129	104
	Đoạn đường từ nhà ông Dương Văn Thiệu (thửa đất số 196, tờ bản đồ số 22) (ngã ba xóm Bình Đường) đến nhà văn hóa xóm Lũng Cam	230	173	129	104
9	Xã Quang Thành				
	Từ nhà ông Bàn Chàn Phu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 11) đến ngã ba Sơn Đông.	402	302	227	182
	Từ trạm y tế xã thuộc xóm Quang Trung (thửa đất số 378, tờ bản đồ số 58) theo đường tỉnh lộ 212 đến hết nhà ông Đàm Quang Tặc	230	173	129	104

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	(đến hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 86) (giáp xã Tam Kim).				
	Từ trạm y tế xã thuộc xóm Quang Trung (thửa đất số 378, tờ bản đồ số 58) theo đường tỉnh lộ 212 đến hết địa giới xã Quang Thành (giáp xã Thành Công)	230	173	129	104
	Từ nhà ông Bàn Chàn Phu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 11) dọc theo đường tỉnh lộ 212 đến hết xã Quang Thành (giáp xã Thành Công).	230	173	129	104
	Từ đường tỉnh lộ 212 nhà ông Bàn Văn Tình (thửa đất số 13, tờ bản đồ số 18) xóm Quang Thượng dọc theo hai bên trục đường Lũng Mươi đến Trường học cũ xóm Hoài Khao (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 128).	230	173	129	104
	Đường tiếp nối từ Trường học cũ xóm Hoài Khao (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 128) dọc theo trục đường làng, đường nội đồng rộng 3m đến điểm tiếp giáp xóm Nà Rẻo, xã Thành Công.	230	173	129	104
10	Xã Tam Kim				
	Đoạn đường từ tỉnh lộ 216 rẽ đầu chợ xã Tam Kim (thửa đất số 369, tờ bản đồ số 54) đến đoạn nhà ông Trương Văn Môn (thửa đất số 296, tờ bản đồ số 78) (xóm Phai Khắt)	358	269	201	161
	Đoạn đường từ tỉnh lộ 216 từ xóm Dồn Rù đến đoạn rẽ xuống đầu chợ xã Tam Kim	358	269	201	161
	Đoạn đường từ tỉnh lộ 216 từ ngã ba chợ Tam Kim theo đường Tam Kim - Hoa Thám đến hết địa phận xã Tam Kim	358	269	201	161
	Đoạn đường từ nhà ông Trương Văn Môn (thửa đất số 296, tờ bản đồ số 78) (xóm Phai Khắt) đến khu rừng Trần Hùng Đạo	358	269	201	161
	Đoạn đường từ ngã ba Tam Kim - Hưng Đạo đến Khuổi Rừng (Xóm Bắc Dài)	358	269	201	161
	Đoạn đường từ ngã ba xóm Nà Múc theo đường Tam Kim - Quang Thành đến hết địa phận xã Tam Kim	358	269	201	161
11	Xã Thành Công				
	Đoạn đường từ nhà ông Nguyễn Văn Doanh (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 20) theo đường TL212 đến nhà ông Chu Văn Năm (thửa đất số 615, tờ bản đồ số 28) xóm Phía Đén	304	228	171	137

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường trục xã từ ngã ba TL212 đến đường rẽ vào Công ty Kolia	304	228	171	137
	Đoạn đường từ nhà ông Nông Văn Tâm (thửa đất số 164, tờ bản đồ số 13) theo đường TL212 đến nhà bà Vũ Thị Hằng (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 14)	304	228	171	137
	Đoạn đường trục xã từ nhà ông Lý Phúc Kiêm (thửa đất số 47, tờ bản đồ số 143) xóm Bản Phường đến trường Tiểu học Bản Đồng	304	228	171	137
	Đoạn đường từ nhà bà Nông Thị Hành (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 86) theo đường TL212 đến nhà ông Nông Văn Hùng (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 132) xóm Nà Bản	304	228	171	137
	Đoạn đường từ tiếp giáp nhà ông Nông Văn Hùng (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 132), xóm Nà Bản theo đường TL 212 đến hết địa phận xã Thành Công giáp ranh tỉnh Bắc Kạn	304	228	171	137
	Đoạn đường từ tiếp giáp nhà ông Chu Văn Năm (thửa đất số 615, tờ bản đồ số 28), xóm Pù Vải theo đường tỉnh lộ 212 đến nhà bà Nông Thị Hành xóm Nà Bản (đến hết thửa đất số 32, tờ bản đồ số 86)	304	228	171	137
	Đoạn đường trục xã từ đường rẽ vào Công ty Kolia đến UBND xã Thành Công.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ trường Tiểu học Bản Đồng (thửa đất số 641, tờ bản đồ số 142) đến nhà ông Bàn Hữu Phú, xóm Bản Chang (đến hết thửa đất số 134, tờ bản đồ số 162).	230	173	129	104
	Đoạn từ ngã ba đường tỉnh lộ 212 rẽ đi xã Phan Thanh đến hết địa giới xã Thành Công.	230	173	129	104
12	Xã Thịnh Vượng				
	Đoạn đường từ tiếp giáp với địa phận xã Bạch Đằng, Huyện Hòa An, dọc theo Quốc Lộ 3 theo hai bên trục đường xã từ nhà ông Nông Quốc Khánh (thửa đất số 2, tờ bản đồ số 10) đến hết đất xã Thịnh Vượng (giáp ranh xã Hoa Thám, huyện Nguyên Bình).	230	173	129	104
13	Xã Triệu Nguyên				
	Đoạn đường từ nhà ông Triệu Văn Tròng, xóm Lê Lợi đến nhà ông Lục Sánh Quẩy, xóm Lê Lợi (đến hết thửa đất số 41, tờ bản đồ số 78)	230	173	129	104

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Từ đường trục chính (địa phận xóm Khuổi Tông cũ) thuộc xóm Lê Lợi đến hết nhà ông Hoàng Văn Vây (hết thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49) xóm Minh Khai	230	173	129	104
	Từ tiếp giáp nhà ông Hoàng Văn Vây (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 49) xóm Minh Khai đến hết nhà ông Hoàng Sùn Sơn (hết thửa đất số 24, tờ bản đồ số 10) xóm Minh Khai	230	173	129	104
14	Xã Vũ Nông				
	Tuyến đường Quốc lộ 34 từ Cua N địa phận xã Vũ Nông đến ngã ba Ca Thành	230	173	129	104
	Tuyến đường tỉnh lộ 202 từ ngã ba Ca Thành đến hết địa phận xã Vũ Nông	230	173	129	104
	Tuyến đường nhựa vào Ủy ban xã từ nhà ông Bàn Sành Cán (thửa đất số 4, tờ bản đồ số 94) đến nhà ông Phùng Sùn Páo (thửa đất số 237, tờ bản đồ số 63).	230	173	129	104
	Tuyến đường cấp phối từ Cua N Lũng Thán - Lũng Tỳ - Lũng Báng đến đường Triệu Nguyên	196	147	110	88
15	Xã Yên Lạc				
	Đoạn đường tỉnh lộ 202 từ Cầu Tà Phình đến hết địa phận xã Yên Lạc giáp ranh huyện Bảo Lạc.	230	173	129	104

BẢNG 7: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊĐơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thị trấn Nguyên Bình				
1	Đường loại I				
	Từ nhà văn hóa tổ 2 theo Quốc lộ 34 đến hết nhà bà Hoàng Thị Vi (thửa đất số 43; tờ bản đồ số 79) (Tổ dân phố 3) và theo đường lên trụ sở UBND Huyện đến hết nhà ông Hoàng Kế Vĩnh (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 80) (tổ 3)	2.210	1.658	1.243	870
2	Đường loại II				
	Từ nhà văn hóa tổ 2 theo Quốc lộ 34 đến hết nhà ông Trương Mạnh Sào (thửa đất số 15, tờ bản đồ số 85) (Tổ 1)	1.508	1.131	848	594
	Đoạn tiếp giáp nhà bà Hoàng Thị Vi (thửa đất số 43; tờ bản đồ số 79) (Tổ dân phố 3) theo Quốc lộ 34 đến hết cây xăng Đại Lợi	1.508	1.131	848	594

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Từ tiếp giáp nhà ông Hoàng Kế Vĩnh (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 80) (Tổ dân phố 3), theo đường lên trụ sở Ủy ban nhân huyện đến hết nhà ông Hoàng Văn Tuấn (thửa đất số 151, tờ bản đồ số 79) (Tổ dân phố 3)	1.508	1.131	848	594
	Từ Trung tâm bưu chính viễn thông huyện theo đường lên Phòng Giáo dục - Đào tạo đến hết Phòng Giáo dục - Đào tạo	1.508	1.131	848	594
	Các vị trí đất mặt tiền đường xung quanh đình chợ.	1.508	1.131	848	594
3	Đường loại III				
	Từ tiếp giáp nhà ông Trương Mạnh Sào (thửa đất số 15, tờ bản đồ số 85) (Tổ 1) theo Quốc lộ 34 đi thành phố Cao Bằng đến hết nhà bà Lãnh Thị Ẽn (hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 41) xóm Nà Gọn	1.026	769	577	404
4	Đường loại IV				
	Từ tiếp giáp nhà bà Lãnh Thị Ẽn (thửa đất số 18, tờ bản đồ số 41) xóm Nà Gọn đi thành phố Cao Bằng đến hết nhà ông Mạc Thanh Mến (thửa đất số 159, tờ bản đồ số 41) xóm Nà Gọn	741	556	417	292
	Từ nhà ông Hà Văn Tuấn (thửa đất số 750, tờ bản đồ số 31) xóm Pác Mãn theo đường tránh Quốc Lộ 34 đến ngã ba xóm Nà Gọn	741	556	417	292
	Từ tiếp giáp cây xăng Đại Lợi theo Quốc lộ 34 đến hết địa phận thị trấn Nguyên Bình giáp xã Thề Dục	741	556	417	292
5	Đường loại V				
	Từ nhà ông Hà Văn Tuấn (thửa đất số 750, tờ bản đồ số 31) dọc theo đường tránh Quốc Lộ 34 đến tiếp giáp xã Thề Dục	536	402	302	211
	Từ tiếp giáp nhà văn hóa tổ 2 đến hết trường THPT Nguyên Bình	536	402	302	211
	Từ tiếp giáp nhà bà Nguyễn Thị Nguyên (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 80) (Tổ 3) đến hết Trạm xử lý nước	536	402	302	211
	Từ nhà bà Nguyễn Thị Nguyên (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 80) (Tổ 3) đến hết nhà bà Lưu Thị Diệp (thửa đất số 163, tờ bản đồ số 80) (Tổ 3)	536	402	302	211
	Từ tiếp giáp nhà bà Nguyễn Thị Nguyên (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 80) (Tổ 3) đến hết trường Nội trú	536	402	302	211
	Từ tiếp giáp nhà ông Hoàng Văn Tuấn (thửa đất số 151, tờ bản đồ số 79) (Tổ 3) đến hết nhà văn hóa xóm Bản Luộc	536	402	302	211

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Từ ngã ba cổng phụ Ủy ban nhân dân huyện đến hết nhà bà Nông Thị Vĩnh (thửa đất số 237, tờ bản đồ số 79) (Tổ 3)	536	402	302	211
	Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ ngã ba Nà Phiêng, theo đường vào xóm Nà Gọn đến hết đường bê tông	536	402	302	211
	Từ cổng trụ sở Công An đến hết nhà bà Nguyễn Thị Độ (thửa đất số 206, tờ bản đồ số 81) (Tổ 2)	536	402	302	211
	Đoạn đường từ nhà bà Triệu Thị Yên (thửa đất số 400, tờ bản đồ số 40) dọc theo tỉnh lộ 216 đi xã Tam Kim đến hết địa phận thị trấn Nguyên Bình	536	402	302	211
	Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Hanh (thửa đất số 183, tờ bản đồ số 33) dọc theo đường nhà máy xi măng cũ đến hết Xưởng trục 688	536	402	302	211
	Đoạn đường từ ngã tư xóm Pác Măn Ngoài (cũ) theo đường bê tông vào nhà văn hóa xóm Pác Măn Trong (cũ) thuộc xóm Pác Măn	536	402	302	211
	Đoạn đường dọc theo bờ sông hai bờ sông Thề Dục đoạn qua Thị trấn Nguyên Bình	536	402	302	211
II	Thị trấn Tĩnh Túc				
1	Đường loại III				
	Đoạn đường từ Cầu 1, theo Quốc lộ 34 đến hết nhà ông Lý Văn Luân (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 63) (hết tường rào trường tiểu học thị trấn Tĩnh Túc)	1.026	769	577	404
2	Đường loại IV				
	Đoạn đường từ Cầu 1, theo Quốc lộ 34 đến Cầu 3	741	556	417	292
	Đoạn đường giáp nhà ông Lý Văn Luân (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 63), theo Quốc lộ 34 đến hết công bảo vệ Xí nghiệp Thiếc- Công ty Khoáng sản	741	556	417	292
3	Đường loại V				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34, theo đường vào chợ Phúc Lợi, Trường cấp II, III cũ đến hết đường mà xe ô tô đi lại được	536	402	302	211
	Đoạn đường từ Quốc Lộ 34 theo đường vào Bệnh viện Tĩnh Túc đến hết đường mà xe ô tô đi lại được	536	402	302	211
	Từ công bảo vệ Xí nghiệp Thiếc theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới thị trấn Tĩnh Túc (giáp xã Phan Thanh)	536	402	302	211
	Từ Cầu 3 dọc theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới thị trấn Tĩnh Túc (giáp xã Thề Dục và xã Quang Thành)	536	402	302	211

PHỤ LỤC SỐ 6

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2020 – 2024**TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÒA AN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP**BẢNG 1. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA**Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	96	67	38
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	76	53	30
	Đất trồng lúa nương	LUN	53	37	22
2	Xã trung du				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	84	60	34
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	66	47	26
	Đất trồng lúa nương	LUN	47	32	19
3	Xã miền núi				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	72	50	29
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	54	38	22
	Đất trồng lúa nương	LUN	38	26	16

BẢNG 2. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁCĐơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	68	48	28
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	48	34	19
2	Xã trung du				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	59	41	24
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	41	29	17
3	Xã miền núi				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	50	35	20
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	35	24	14

BẢNG 3. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng	CLN	62	46	32
2	Xã trung du	CLN	53	37	22
3	Xã miền núi	CLN	44	31	18

BẢNG 4. BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất
1	Xã đồng bằng	RXS	13
2	Xã trung du	RXS	11
3	Xã miền núi	RXS	9

BẢNG 5. GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng	NTS	44	31	18
2	Xã trung du	NTS	38	28	16
3	Xã miền núi	NTS	32	23	13

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**BẢNG 6. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN***Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Xã đồng bằng				
1	Xã Đức Long				
	Đoạn đường Hồ Chí Minh từ đầu cầu Nà Coóc đến cổng Trường Trung học cơ sở Đức Long.	808	606	455	364
	Đoạn đường Hồ Chí Minh từ cổng Trường Trung học cơ sở Đức Long đến ngã ba Thông Nông - Hà Quảng.	686	515	386	309
	Đoạn đường Hồ Chí Minh từ ngã ba Thông Nông - Hà Quảng đến hết địa giới xã Đức Long (giáp xã Nam Tuấn).	584	438	329	263
	Đoạn đường từ ngã ba Thông Nông- Hà Quảng theo đường Tỉnh lộ 204 đến hết địa giới xã Đức Long (giáp xã Dân Chủ).	584	438	329	263
II	Xã trung du				
1	Xã Dân Chủ				
	Đoạn đường từ Hồ Chí Minh từ đường rẽ vào trường Liên Oa đến giáp xã Ngọc Đào (huyện Hà Quảng)	686	515	386	309
	Đoạn đường từ giáp địa phận xã Đức Long đến đầu cầu Mỏ Sắt	420	315	236	189
	Đất có mặt tiền xung quanh chợ Mỏ Sắt; đất xung quanh Trạm Y tế xã (khoảng cách 25 mét).	420	315	236	189
	Đoạn từ cầu Mỏ Sắt đến giáp xã Quý Quân huyện Hà Quảng	358	269	201	161
	Đoạn đường từ Mỏ Sắt đến Nà Rị	358	269	201	161
	Đoạn đường tỉnh lộ 204 từ chân dốc Khau Công đến hết địa giới xã Dân Chủ (giáp huyện Hà Quảng).	304	228	171	137
2	Xã Hồng Việt				
	Đoạn đường từ ngã ba Vò Ấu, xóm Nà Mè qua xóm Lam Sơn đến hết địa phận xã Hồng Việt (giáp xã Hoàng Tung)	358	269	201	161
	Các đoạn đường thuộc xã Bình Long cũ				
	Đoạn đường (mà ô tô đi lại được) rẽ đi xóm Bình Long; đường 204 cũ rẽ vào xóm Thanh Hùng; đường 216 rẽ vào xóm Minh Loan, Pắc Gậy; đường rẽ xuống xóm Thái Cường.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ ngã ba Bình Long theo đường Hồng Việt - Lương Can đến hết địa giới xã Hồng Việt (giáp xã Trương Lương).	358	269	201	161

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
3	Xã Nam Tuấn				
	Đoạn đường Hồ Chí Minh liên huyện từ xã Đức Long qua xã Nam Tuấn đến xã Ngọc Đào huyện Hà Quảng	640	480	360	288
	Đoạn đường tiếp giáp nhà ông Nguyễn Hữu Gióng (thửa đất số 106, tờ bản số 53) đến chân dốc Kéo Rản xóm Đông Giang 1	420	315	236	189
	Đoạn từ chợ kéo Roọc đến hết nhà ông Nguyễn Hữu Hùng (hết thửa đất số 234, tờ bản đồ số 53) xóm Đông Giang 1.	420	315	236	189
	Đoạn đường từ nhà ông Nguyễn Hữu Sáng (thửa đất số 276, tờ bản đồ số 53) xóm Đông Giang 1 đi vào đường UBND xã đi thông qua đường cái vào Gia Tự.	420	315	236	189
	Đoạn từ chân dốc Kéo Rản đến hết nhà ông Lê Phan Tuệ (thửa đất số 86, tờ bản đồ số 28) xóm Nà Diều.	358	269	201	161
	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Hữu Nhiên (thửa đất số 166, tờ bản đồ số 53) xóm Đông Giang 1 đến hết nhà bà Bằng Thị Trâm (hết thửa đất số 53, tờ bản đồ số 23) xóm Thành Công.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ xóm Cốc Chủ (xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng) đi qua địa phận xã Nam Tuấn đến xã Đại Tiến	358	269	201	161
	Đoạn đường từ xóm Nà Mỏ (xã Đức Long) đi qua địa phận xã Nam Tuấn đến xóm Nà Ban Pác Muông	358	269	201	161
4	Xã Hoàng Tung				
	Đoạn đường từ đầu cầu Bản Tấn theo đường đi Nguyên Bình tính cách cầu 200m; theo đường về thành phố tính cách cầu 200m.	584	438	329	263
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34 rẽ vào xã Bình Dương 100m.	584	438	329	263
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34 rẽ vào xã Hoàng Tung 100m.	584	438	329	263
	Đoạn đường từ đầu cầu Hoàng Tung đến cổng Trường Trung học cơ sở xã Hoàng Tung.	584	438	329	263
	Đoạn đường từ đầu cầu Hoàng Tung đến đường rẽ vào xóm Đoàn Kết.	584	438	329	263
	Đoạn đường từ đầu cầu Hoàng Tung đến cầu làng Bến Đò.	584	438	329	263
	Đoạn đường Trường phổ thông trung học Hoàng Tung đến xóm Hào Lịch.	420	315	236	189
	Đoạn đường rẽ xóm Đoàn Kết đến ngã ba đường rẽ xóm Bó Lếch và xóm Hạnh Phúc	420	315	236	189

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ đầu cầu Bản Tấn + 200 m theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới xã Hoàng Tung (giáp xã Hưng Đạo).	420	315	236	189
	Đoạn đường từ đầu cầu Bản Tấn + 200 m theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới xã Hoàng Tung (giáp xã Minh Tâm - Nguyên Bình).	420	315	236	189
	Đoạn đường từ xóm Bản Tấn qua Hào Lịch đến khu di tích Nậm Lìn (giáp xã Hồng Việt).	420	315	236	189
	Đoạn đường từ cầu đầu làng Bến Đò đến xóm Na Lữ.	420	315	236	189
III	Xã miền núi				
1	Xã Hồng Nam				
	Đoạn đường từ địa phận giáp xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng qua UBND xã Hồng Nam đến hết địa phận xã Hồng Nam giáp xã Vân Trình, huyện Thạch An.	304	228	171	137
2	Xã Bạch Đằng				
	Đoạn đường từ xóm Nà Roác 1 (giáp xã Hưng Đạo - thành phố Cao Bằng) theo Quốc lộ 3 đến đường rẽ vào Trung tâm Thủy sản	1.014	761	571	457
	Đoạn đường từ đường rẽ vào Trung tâm Thủy sản theo Quốc lộ 3 đến đường rẽ vào Bản Sắng	571	428	321	257
	Đoạn đường (khu vực xung quanh chợ, Trạm xá, trụ sở Ủy ban nhân dân xã) theo Quốc lộ 3 từ đầu cầu Tài Hồ Sìn + 200m về thành phố Cao Bằng; từ đầu cầu Tài Hồ Sìn + 200m về phía đi Bắc Kạn.	420	315	236	189
	Đoạn đường từ đầu cầu Tài Hồ Sìn + 200m theo Quốc lộ 3 đến hết địa giới xã Bạch Đằng (giáp huyện Nguyên Bình).	358	269	201	161
	Đoạn đường từ đầu cầu Tài Hồ Sìn + 200m theo Quốc lộ 3 về thành phố đến đường rẽ vào Bản Sắng.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 rẽ đi Bản Sắng, Tài Hồ Sìn đến trụ sở UBND xã Bạch Đằng.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 rẽ theo đường vào hồ Khuổi Lái (đường dưới và đường trên).	358	269	201	161
3	Xã Đại Tiến				
	Đoạn đường từ giáp địa giới thị trấn Nước Hai đi qua xã Đại Tiến đến chân đèo đường rẽ lên xã Đức Xuân cũ	358	269	201	161
	Đoạn đường từ ngã ba xóm Nà Bon đến xóm Vò Quý (xã Nam Tuấn)	358	269	201	161
	Đoạn đường từ trụ sở UBND xã Đại Tiến đến xóm Bản Phiếu (xã Ngũ Lão)	358	269	201	161

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường thuộc xã Đức Xuân cũ				
	Đoạn đường từ giáp địa giới xã Đại Tiến cũ đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đức Xuân cũ.	196	147	110	88
4	Xã Lê Chung				
	Đoạn đường tỉnh lộ 209 từ Roóng Đăm tiếp giáp địa giới phường Hòa Chung (thành phố Cao Bằng) qua xóm Pác Khuổi đến hết nhà ông Hoàng Văn Nhật (hết thửa đất số 72, tờ bản đồ số 12)	420	315	236	189
	Đoạn đường tỉnh lộ 209 từ tiếp giáp nhà ông Hoàng Văn Nhật (thửa đất số 72, tờ bản đồ số 12) đến hết địa giới xã Lê Chung (giáp xã Canh Tân - huyện Thạch An).	358	269	201	161
5	Xã Nguyễn Huệ				
	Đất xung quanh chợ Án Lại; Đoạn đường từ nhà bà Trương Thị Lồ (thửa đất số 319, tờ bản đồ số 50) đến hết nhà ông Long Văn Giáp (hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 39)	420	315	236	189
	Đoạn đường tránh thị tứ Án Lại từ nhà ông Lương Văn Trung (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 39) đến hết đất nhà ông Lô Quang Thành (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 39)	420	315	236	189
	Đoạn đường từ Km7 (Bản Gùn) (thửa đất số 4, tờ bản đồ số 61) đến nhà bà Trương Thị Lồ (thửa đất số 113, tờ bản đồ số 50)	358	269	201	161
	Đoạn đường từ đất nhà ông Triệu Văn Hưng (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 39) đến hết đất nhà ông Nông Hồng Quân (thửa đất số 49, tờ bản đồ số 28) xóm Nà Danh.	358	269	201	161
	Đoạn từ nhà ông Long Văn Giáp (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 39) theo Quốc lộ 3 đến chân đèo Mã Phục (thửa đất số 2, tờ bản đồ số 40)	358	269	201	161
	Đoạn từ cuối chợ Án Lại (hết đường bê tông) đến địa phận xóm Nà Danh hết đất nhà ông Nông Văn Khoa (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 37)	358	269	201	161
	Đoạn đường từ nhà ông Nông Văn Khoa (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 37) dọc theo đường đến xóm Canh Biện hết địa phận xã Nguyễn Huệ, giáp xã Ngũ Lão	304	228	171	137
	Đoạn đường thuộc xã Trung Vương cũ				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 rẽ Nà Danh vào trụ sở UBND xã Trung Vương cũ đến địa phận xóm Lũng Quang (Pàn Mỏ cũ).	304	228	171	137
6	Xã Bình Dương				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34 rẽ vào đến Trường Trung học cơ sở xã Bình Dương.	358	269	201	161

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ xóm Nà Phung đi đến hết xóm Khuổi Hồng giáp xã Bạch Đằng				
7	Xã Ngũ Lão				
	Đoạn đường theo Quốc lộ 3 mới từ giáp địa giới phường Ngọc Xuân (thành phố Cao Bằng) đến ngã ba Bản Gùn	584	438	329	263
	Đoạn từ giáp địa giới thành phố theo đường tránh Quốc lộ 3 cũ đến hết đường tránh (ngã ba Bản Gùn).				
	Đoạn đường theo Quốc lộ 3 mới từ ngã ba Bản Gùn đến cầu Nặm Pạng	420	315	236	189
	Đoạn đường từ đường tránh Quốc lộ 3 theo đường vào trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ngũ Lão đến trụ sở.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ngũ Lão theo đường liên xã đến hết địa giới xã Ngũ Lão (giáp xã Vĩnh Quang - thành phố Cao Bằng).				
	Đoạn đường liên xã từ giáp địa giới xã Đại Tiến đến hết địa giới xã Ngũ Lão	304	228	171	137
8	Xã Quang Trung				
	Đoạn đường từ giáp địa giới thành phố theo đường Quang Trung - Hà Trì đến trụ sở UBND xã Hà Trì cũ.	304	228	171	137
	Đoạn đường từ ngã ba xóm Phan Thanh đến trụ sở cũ UBND xã Quang Trung	304	228	171	137
	Đoạn đường còn lại thuộc xã Hà Trì cũ				
	Đoạn đường từ trụ sở UBND xã Hà Trì cũ đến đầu cầu treo Nà Mùi	304	228	171	137
9	Xã Trương Lương				
	Đoạn đường từ giáp địa giới xã Hồng Việt theo đường Hồng Việt - Thông Nông đến hết địa giới xã Trương Lương (giáp xã Lương Can - Hà Quảng).	358	269	201	161
	Đoạn từ cầu Sam Luồng đến xóm Lũng Luông	230	173	129	103

BẢNG 7. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ TẠỊ ĐÔ THỊ*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Thị trấn Nước Hai				
1	Đường phố loại I				
	Đoạn đường Hồ Chí Minh từ cầu Bản Sậy đến cầu Roổng Ổ	3.564	2.673	2.005	1.403
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh rẽ theo đường vào đến Trạm cấp nước.	3.564	2.673	2.005	1.403
	Đoạn đường xung quanh chợ Nước Hai	3.564	2.673	2.005	1.403
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh rẽ vào đến nhà Ban quản lý chợ.	3.564	2.673	2.005	1.403
2	Đường phố loại II				
	Đoạn đường từ nhà ông Đặng Văn Ngọc (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 22) Phố A đến hết nhà bà Lê Thị Toan (hết thửa đất số 167, tờ bản đồ số 22) Phố A và các đoạn đường nhánh:	2.433	1.825	1.368	958
	+ Từ nhà bà Bế Thị Tuyền (thửa đất số 118, tờ bản đồ số 22) Phố A đến nhà bà Vương Thị Nụ (hết thửa đất số 69, tờ bản đồ số 22) Phố A;	2.433	1.825	1.368	958
	+ Từ nhà bà Lê Thị Hoa (thửa đất số 28, tờ bản đồ số 28) Phố A đến nhà ông Vương Minh Nhật (hết thửa đất số 199, tờ bản đồ số 22) Phố A;	2.433	1.825	1.368	958
	+ Từ nhà bà Lê Thị Toan (thửa đất số 167, tờ bản đồ số 22) Phố A đến nhà ông Hoàng Lương Cam (hết thửa đất số 105, tờ bản đồ số 22) Phố A.	2.433	1.825	1.368	958
	Đoạn từ Trạm cấp nước theo đường Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật đến đường Hồ Chí Minh nhà ông Khúc Ngọc Việt (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 20)	2.433	1.825	1.368	958
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh (nhà ông Lê Xuân Diệu (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 32)) theo đường đi Trạm thuốc lá đến Trạm thuốc lá.	2.433	1.825	1.368	958
	Đoạn đường (nhánh 3) từ gần cổng Công an huyện đến trụ sở Phòng Tài chính - Kế hoạch.	2.433	1.825	1.368	958
	Đoạn từ Trạm cấp nước đến ngã tư Huyện đội.	2.433	1.825	1.368	958
	Đoạn đường từ ngã tư Huyện đội theo đường nhựa đến trường Trung học cơ sở Nước Hai (đến hết đường nhựa).	2.433	1.825	1.368	958
	Đoạn đường nối từ đường Hồ Chí Minh (Công an huyện) đến ngã tư huyện đội.	2.433	1.825	1.368	958
	Đoạn đường từ nhà ông Trần Trung Phúc (thửa đất số 72 tờ bản đồ số 10) đến ngã ba vào xóm Minh Loan (hết thửa đất số 163 tờ bản đồ số 01678-16)	2.433	1.825	1.368	958

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ lên Kho bạc huyện đến hết trụ sở Kho bạc mới	2.433	1.825	1.368	958
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh rẽ lên trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật đến hết nhà ông Hoàng Thanh Bình (hết thửa đất số 173, tờ bản đồ số 95) xóm Bằng Hà	2.433	1.825	1.368	958
3	Đường phố loại III				
	Đoạn đường từ nhà bà Bé Thị Cúc (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 26) đến ngã tư trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật.	1.654	1.241	931	652
	Đoạn đường từ ngã tư Huyện đội đến hết Trại giam	1.654	1.241	931	652
4	Đường phố loại IV				
	Đoạn đường từ ngã tư trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật đến hết nhà ông Vi Văn Ẽn (hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số 18)	1.196	896	672	470
	Đoạn từ nhà bà Phùng Thế Ngân (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 23) đến nhà bà Hứa Thị Mới (hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 23) (bản đồ địa chính thị trấn Nước Hai)	1.196	896	672	470
	Đoạn đường từ nhà ông Hoàng Thanh Bình (thửa đất số 173, tờ bản đồ số 95) xóm Bằng Hà đến nhà bà Nguyễn Thị Ngoan (hết thửa đất số 348 tờ bản đồ số 01669-91) xóm Bằng Hà	1.196	896	672	470
	Đoạn đường từ thửa đất số 120, tờ bản đồ số 15 của ông Nông Văn Chung xóm Bằng Hà đến nhà ông Đặng Đình Huân (hết thửa đất số 243 tờ bản đồ số 01669-90) xóm Bằng Hà	1.196	896	672	470
5	Các đoạn đường không phân loại đường phố nhập từ các xã vào thị trấn				
	Đoạn đường thuộc xã Đức Long cũ				
	Đoạn đường Hồ Chí Minh từ cầu Roòng Ồ đến đầu cầu Nà Coóc.	1.758	1.318	989	791
	Các đoạn đường thuộc xã Bế Triều cũ				
	Đoạn đường Hồ Chí Minh từ đường rẽ vào xóm 10 Bế Triều đến đầu cầu Bản Sậy	2.005	1.503	1.127	902
	Đoạn đường Hồ Chí Minh từ giáp xã Hưng Đạo đến đường rẽ vào xóm 10 Bế Triều (Khau Lừa)	1.587	1.190	892	714
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh rẽ đi xã Hồng Việt đến đầu cầu Hồng Việt	1.195	896	672	538
	Đoạn đường nhà ông Bế Hùng Cường (thửa đất số 4, tờ bản đồ số 41) (xóm Bản Vạn 1) đi đến đường Vành đai thị trấn Nước Hai (theo đường vành đai ra đến đường Hồ Chí Minh)	584	438	329	263
	Đoạn đường liên xã Nước Hai – Đại Tiến có	584	438	329	263

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	nhánh rẽ vào xóm 3 Bể Triều hết đường ô tô đi lại được.				
	Đoạn đường từ giáp trại giam rẽ vào xóm 2 Bể Triều.	584	438	329	263
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh theo đường nhánh rẽ vào xóm 9 Bể Triều	584	438	329	263
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh nhà ông Bể Nhật Quảng (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 57) lên Khau Khá giáp đường vào bãi rác thải.	584	438	329	263
	Đoạn từ ngã ba nhà ông Tô Vũ Trí (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 58) đi đến đường bãi rác thải (nhà bà Hà Thị Tuyên (hết thửa đất số 108a, tờ bản đồ số 52)).	584	438	329	263
	Đoạn từ Miếu xóm Nà Bua đi đến hết nhà ông Hứa Văn Thôi (hết thửa đất số 132, tờ bản đồ số 53) xóm Nà Bua.	584	438	329	263
	Đoạn đường cầu vượt đi hết xóm Thủy Lợi	584	438	329	263
	Đoạn đường nhà ông Bể Nhật Viên (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 41) xóm Bản Vạn 1 đi đến hết nhà ông Bể Nhật Bình (hết thửa đất số 131, tờ bản đồ số 31) (xóm Bản Vạn 1).	584	438	329	263
	Đoạn đường Nước Hai - Đại Tiên đến hết nhà ông Nông Văn Hiền (hết thửa đất số 37, tờ bản đồ số 24) (xóm 3 Bể Triều).	584	438	329	263
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ vào Nhà bia tưởng niệm xã Bể Triều cũ đến chân đồi Khau Siêm.	584	438	329	263
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ vào xóm Nà Bua.	584	438	329	263
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ Lò Bát Cầu Khanh đến Nhà văn hóa xóm 9 Bể Triều	584	438	329	263
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ vào đến Nghĩa trang liệt sỹ huyện.	584	438	329	263
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ vào đến hết Nhà văn hóa xóm 11 Bể Triều (An Phú).	584	438	329	263
	Đoạn đường từ đường Tỉnh lộ 203 cũ rẽ vào đến hết Nhà văn hóa xóm 11 Bể Triều (Nà Vài).	584	438	329	263
	Đoạn đường từ nhà ông Lưu Ngọc Huân (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 31) xóm 2 Bể Triều đến hết xóm 3 Bể Triều	584	438	329	263
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ vào xóm 4 Bể Triều (Khau Còi) đến hết nhà ông Nguyễn Văn Tâm (hết thửa đất số 344, tờ bản đồ số 42) xóm 4 Bể Triều (Bản Sậy)	584	438	329	263
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh (trạm biến	584	438	329	263

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	áp) rẽ vào xóm 4 Bể Triều đến hết nhà bà Nguyễn Thị Oanh (hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 43) xóm 4 Bể Triều				
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh rẽ vào xóm Vò Đáo đến hết nhà ông Lương Văn Tụng (hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 51) (xóm Vò Đáo).	584	438	329	263
	Đoạn đường từ NVH xóm 9 Bể Triều đi vào đến hết xóm 9 Bể Triều	358	269	201	161
	Đoạn đường từ NVH An Phú cũ đi vào đến hết xóm 11 Bể Triều	358	269	201	161
	Đoạn đường từ nhà ông Nguyễn Văn Tâm xóm 4 Bể Triều (thửa đất số 344, tờ bản đồ số 01690-42) đi vào đến hết xóm 4 Bể Triều	358	269	201	161
	Đoạn đường từ nhà Bà Nguyễn Thị Oanh xóm 4 Bể Triều (thửa đất số 344, tờ bản đồ số 01690-43) đi vào đến hết xóm 5 Bể Triều	358	269	201	161
	Các đoạn đường thuộc xã Bình Long cũ				
	Đoạn đường Tỉnh lộ 204 từ đầu cầu ngầm Bình Long đến ngã ba xóm Bình Long (Nà Giảo)	584	438	329	263
	Đường tỉnh lộ 216 đoạn từ đầu cầu cứng đến ngã ba nối tiếp đường Tỉnh lộ 204 cũ xóm Bình Long (Nà Giảo)	584	438	329	263
	Các đoạn đường thuộc xã Hồng Việt cũ				
	Đoạn đường từ cầu cứng Hồng Việt đến ngã ba Vò Ấu xóm Nà Mè	584	438	329	263
	Đoạn đường từ ngã ba Vò Ấu xóm Nà Mè qua xóm Mã Quan đến hết địa phận TT Nước Hai giáp xã Hoàng Tung	358	269	201	161
	Đoạn đường rẽ từ Đường Hồ Chí Minh vào đến hết xóm Mã Quan	584	438	329	263
	Đoạn đường từ Ngã Ba Vò Ấu vào đến hết xóm Nà Tằng	358	269	201	161

